KHƯƠNG-LỮ-VỌNG

THÁI CÔNG BINH PHÁP

黃石公

Dịch-Giả :

MÃ-NGUYÊN-LƯƠNG

& LÊ-XUÂN-MAI

TỐ-THƯ

HOÀNG-THẠCH-CÔNG

NHÀ SÁCH
KHAI-TRÍ

黄 石 公

HOÀNG-THẠCH-CÔNG

素 書

TỐ-THƯ

&

太 公 兵 法

THÁI-CÔNG BINH-PHÁP

DỊCH-GIẢ:

MÃ-NGUYÊN-LƯƠNG & LÊ-XUÂN-MAI

馬 元 良　　黎 春 梅

LỜI NÓI ĐẦU

CUỐN sách dịch này ra mắt độc-giả được là do một sự tình-cờ. Kẻ hèn này là một người chơi sách và thường nuôi mộng sưu-tầm những pho sách quí của Trung-Quốc để dịch ra Việt-Ngữ. Vì lý-do ấy mà được quen biết một vị học-giả Trung-Hoa ở gần nhà là **Mã-Nguyên-Lương tiên-sinh** tự là **Lử-Bình**, **biệt**-hiệu là **Trúc-Khê Sơn-Nhân.** Mã tiên-sinh là một người tài-hoa, phong-nhã, cầm, kỳ, thi, họa, đủ mùi ca, ngâm,... Tập thơ bằng Hoa-Văn mà tiên-sinh làm khi tiếp-xúc với người và cảnh Việt-Nam đã được nữ-sĩ **Tương-Phố** dịch đầy-đủ ra Việt-Ngữ. Tài hội-họa của tiên-sinh cũng rất được thưởng-thức bởi các giới trí-thức xa gần. Tân bạn Hoa-Việt lại càng thân mến hơn vì về sau được biết rõ thêm là dưới cái hình-thức phong-lưu, nho-nhã ấy, thực ra ẩn-náp tâm-hồn của một võ-tướng đã tranh-đấu rất nhiều cho quê-hương mình và cho nước bạn là Việt-Nam. Thực vậy, tiên-sinh đã từng tham-gia chiến-tranh Hoa-Nhật trong tám năm và có chân trong **Hội Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Minh** điều-khiển bởi cụ **Nguyễn-Hải-Thần** hoạt-động để giải-phóng Việt-Nam khoảng ba mươi năm về trước.

Sinh năm 1901 tại tỉnh Quảng-Tây, huyện Trấn-Biên, quận Bình-Dương, giáp-giới tỉnh Cao-Bằng (Bắc-Việt), tiên-sinh đã sống suốt thời niên-thiếu trên lục-địa Trung-Quốc. Là một thanh-niên thời loạn, lẽ cố-nhiên tiên-sinh đã chuyên-hướng sự học-vấn về ngành chính-trị và quân-sự.

Thực vậy, về chính-trị-học, tiên-sinh đã tốt-nghiệp Ngoại-Giao Học-Hiệu (Biện-Vụ Đại-Học) ở tỉnh Quảng-Tây.

Về võ-học, tiên-sinh đã tốt-nghiệp Quân-Sĩ Học-Hiệu, Quân-Quan Học-Hiệu (tức là trường võ-bị Hoàng-Phố ngày xưa do **Thống-chế Tưởng-giới-Thạch** làm hiệu trưởng), Cơ-Pháo-Giáo-Đạo-Đội (Quảng-Đông) và Phòng-Không Học-Hiệu (Giang-Tây).

Sau thời-gian tham-gia kháng-chiến chống Nhật-Bản (1936 — 1940), tiên-sinh gia nhập cuộc tranh-đấu giải-phóng

người Việt-Nam được nâng-đỡ bởi Đại-Tướng Trương Phát-Khuê, Tư-lệnh Đệ-Tứ Chiến-Khu (Quảng-Tây).

Khoảng 1941 — 1943, tiên-sinh gia-nhập Đội Công-Tác Chính-Trị Biên-Khu Trung-Việt dưới quyền chủ-nhiệm của một võ-quan Việt-Nam là **Thiếu-Tướng Trương-Bội-Công** thuộc về **Cách-Mệnh Đồng-Minh-Hội.**

Sau đó trong khoảng 1944 — 1946, tiên-sinh lại gia nhập **Quân-Đội Việt-Nam Quốc-Dân Cách-Mệnh** Đệ-Nhị-Quân, và làm chủ-nhiệm bộ chính-trị dưới quyền điều-khiển của cụ **Nguyễn-Hải-Thần.** Vì lẽ ấy mà ta thấy tiên-sinh đứng chung với cụ **Nguyễn-Hải-Thần** trong một bức ảnh sau đây.

Khi Việt-Minh lên nắm chính-quyền tiên-sinh đã qua làm cố-vấn cho Bộ Tư-lệnh Hải-Quân Trung-Hoa tại Hà-Nội.

Ảnh của Mã tiên-sinh chụp chung với bạn đồng học

Trung tâm đào
Người đứng đầu: VÀNG VĂN HƯƠNG
Người đứng tên: NGUYỄN [illegible]

Mùa thu năm 1945 cụ **Nguyễn-Hải-Thần** lãnh-đạo **Quân-Đội Việt-Nam Quốc-Dân Cách-Mệnh** từ Long-Bang (Quảng-Tây) tiến tới biên-giới Hoa-Việt để vào Cao-Bằng, lúc sắp đặt chân trên đất tổ thân-yêu mà cụ phải xa-cách trên bốn mươi năm trời đằng-đẳng, thì cụ không khỏi ngậm-ngùi cảm-động mà làm bài thơ sau này (**Việt-Nam Cách-Mệnh Nguyên-Lão Nguyễn-Hải-Thần tiên-sinh ư 1945 niên thu tùy Quốc-Quân nhập Việt thọ hàng sơ lý quốc-cảnh cảm-hoài-thi**):

立	馬	邊	城	眼	界	開
Lập	mã	biên	thành	nhãn-	giới	khai
江	山	無	恙	我	歸	來
Giang-	sơn	vô	dạng	ngã	qui	lai
回	頭	四	十	餘	年	事
Hồi	đầu	tứ	thập	dư	niên	sự
不	盡	依	依	故	國	懷
Bất	tận	y	y	cố	quốc	hoài

(NGUYỄN-HẢI-THẦN)

Khi ấy Mã-tiên-sinh làm bài thơ họa nguyên-vận như sau:

策	馬	關	城	氣	象	開
Sách	mã	quan	thành	khí	tượng	khai
與	公	聯	轡	賦	歸	來
Dữ	Công	liên	bí	phú	qui	lai
江	山	此	日	重	收	拾
Giang-	sơn	thử	nhật	trùng	thâu	thập
不	負	當	年	去	國	懷
Bất	phụ	đương	niên	khứ	quốc	hoài

(LỮ-BÌNH, MÃ-NGUYÊN-LƯƠNG)

Khi về tới Hà-Nội, nữ-sĩ TƯƠNG-PHỐ xem hai bài thơ

xướng-họa ấy, liền dịch ra thơ Việt như sau (mà chúng tôi còn giữ đủ bút-tích):

NGUYÊN-XƯỚNG CỦA CỤ HẢI-THẦN:

Bên thành dừng ngựa mắt xa đưa,
Sông núi ta về, vẫn cảnh xưa;
Bốn chục năm thừa ôn việc trước,
Băn-khoăn nước cũ đến bây giờ!

BÀI HỌA NGUYÊN-VẬN CỦA CỤ LỮ-BÌNH:

Quan thành ngàn dặm vó câu đưa,
Cùng cụ dong cương lại cảnh xưa;
Non nước mai đây sang-sửa mới,
Bỡ khi xa cách những bao giờ!

Ảnh của Lữ-Bình tiên-sinh ngồi chụp chung với nữ-sĩ Trương-Phố tại Hà-Nội khi đến viếng thi-hài của nữ-sĩ cùng với họa-sĩ Tường-Thừa-Tín
(Ảnh Lê-Vinh)

Hiện nay, giã-từ nhung-y, võ-khí và cư-trú tại Việt-Nam, nhà võ-tướng ấy đã biến thành một văn-nhân tài-hoa phong-nhã sốt-sắng tham-gia các hoạt-động văn-hóa Việt-Nam trong suốt mười năm nay:

— Làm trưởng-ban dịch kinh-sách cho Tòa Thánh Cao-Đài ở Tây-ninh ;

— Làm trưởng-ban Hoa-Văn soạn-thảo bộ Tứ-Ngữ Từ-Điển (Pháp, Việt, Anh, Hoa) ;

— Dịch cuốn Nam-Thi Hợp-Tuyển từ Việt-ngữ ra Hoa-ngữ ;

— Dịch Cung-oán Ngâm-Khúc từ Việt-Ngữ ra Hoa-ngữ ;

— Làm bí-thư và cố-vấn Hoa-Ngữ cho Hội Khổng-Học Việt-Nam.

— Dịch các binh-thư từ Hoa-Ngữ ra Việt-Ngữ...

Tiểu-sử tiên này đã viết để đánh dấu tình bằng-hữu Hoa-Việt cũng là để ghi ơn của một người dân Việt tức là của chính tôi đây đối với một võ-quan Trung-Quốc, cựu-đồng-chí của cụ Nguyễn-Hải-Thần đã bỏ gần suốt đời người để tranh-đấu giải-phóng cho Việt-Nam và trong thời dưỡng-lão cũng còn hoạt-động đắc-lực cho nền văn-hóa Việt-Nam như đã kể trên.

* * *

Một chiều chủ-nhật, sau một cuộc lùng sách không kết-quả sắp về tới nhà, tôi bỗng có ý-định ghé vào thăm nhà Mã tiên-sinh. Lúc ấy tiên-sinh đang đọc cuốn **Tố-Thư** của **Hoàng-Thạch-Công (thầy của Trương-Lương, quân-sư của Hán-Cao-Tổ)** Tiên-sinh cho tôi xem sách và nói rằng do **Thiếu-Tướng Phương-Bính-Tây** từ Đài-Loan gửi tặng.

Cầm quyển sách quí trong tay, tôi rất cảm-động vì **Hoàng-Thạch-Công** là một bậc tiên-gia thầy học của **Trương-Lương**

mà công-nghiệp phò Hán, phá Tần, diệt Sở thật là lẫy-lừng trong lịch-sử Trung-Quốc. **Hoàng-Thạch-Công** cũng như **Xích-Tùng-Tử** là những bậc siêu-phàm, xuất-thế thường được nhắc-nhở trong thi-văn Việt-Nam như ta thấy trong vài thí-dụ sau đây:

Nhà nước yên mà sĩ được thung-dung,
Bấy giờ sĩ mới tìm Ông Hoàng-Thạch.
(LUẬN KẺ SĨ, NGUYỄN-CÔNG-TRỨ)

Thú xuất thần tiên cũng là ta,
Sánh Hoàng-Thạnh, Xích-Tùng, ờ cũng đáng!
(CẦM, KỲ, THI, TỬU, NGUYỄN-CÔNG-TRỨ)

Mà tiên-sinh đã dịch gần nửa cuốn Tố-Thư ra Việt-Ngữ, và tỏ ý muốn nhờ tôi hoàn-thành bản dịch ấy. Nhờ thế hôm nay tôi được cái vinh-dự giới-thiệu cùng độc-giả Việt-Nam những lời châu-ngọc của hai bậc thánh-nhân là **Khương-Thái-Công** và **Hoàng-Thạch-Công.**

Sách **Tố-Thư** gồm có hai phần:

— Một phần là **Thái-Công binh-pháp** tức là binh-pháp của **Khương-Thái-Công** tự là **Lữ Vọng**, quân-sư của hai vua Văn-Vương và Võ-Vương, mà sự-nghiệp diệt Thương, phò Chu đã được các sử, truyện kể rõ, nhất là truyện Phong-Thần rất phổ-thông trong dân-chúng.

— Phần thứ hai là **Tố-Thư lục-chương** do **Hoàng-Thạch-Công** trước-tác để giảng rõ thêm các ý-kiến của **Khương-Thái Công** và để thu gọn các bí-quyết chánh-lý trong những công-thức vắn-tắt.

Hai phần ấy đi liền với nhau cũng được gọi là sách **Tố-Thư.** Vì sao gọi là sách Tố-Thư? **Tố** có nghĩa là vốn từ xưa để lại, không có thêm bớt sửa đổi. Vậy tóm tại, ta có thể chấp-nhận giả-thuyết là **Tố-Thư là pho sách mà Hoàng-Thạch-Công truyền lại, gồm có Thái-Công Binh-pháp và sáu chương bổ-túc do chính mình trước-tác.**

Trong bản in của nhà xuất-bản Quốc-Dân thì phần sáu chương để ra trước phần Thái-công binh-pháp nên trong bản dịch, tôi cũng giữ đúng thứ-tự ấy. Thêm nữa, kèm theo nguyên-văn lại có rất nhiều lời chú-thích của **Lưu-Bá-Ôn**, quân-sư của vua Chu-Hồng-Võ sáng-lập nhà Đại-Minh. Vì lời chú-thích rất dài-dòng và quá cao-xa, mà lại dẫn ra nhiều sự-kiện lịch-sử Trung-Quốc khá xa-lạ đối với độc-giả Việt-Nam nên tôi để dành lời chú-thích ấy cho lần tái-bản sách dịch này (nếu có) và chỉ giữ lại những lời chú-thích thiết-yếu mà thôi

Theo bài tựa cũ sách Tố-Thư của **Triệu-Văn-Túc**, đời nhà Minh thì **Hoàng-Thạch-Công** trao sách **Tố-Thư**, gồm có 6 chương 1256 chữ cho **Trương-Tử-Phòng** tại **Di-Kiều**, còn sách Sử-Ký thì chép rằng **Trương-Lưu-Hầu** sau khi nhận sách, chờ đến sáng xem lại thì té ra là **Thái-Công Binh-Pháp**. Vậy giả-thuyết về sự cấu-tạo của sách Tố-Thư đã nêu ra ở trên, có thể xem là đúng hẳn.

* * *

Dịch-giả đã nhiều lần thắc-mắc về nguồn gốc của **Thái-Công Binh-Pháp**. Về sau, may mắn được một cao-nhân giảng rõ nên dịch-giả xin mạo-muội đưa ra một giả-thuyết như sau :

Sách **Lục-Thao** chẳng phải do Khương-Thái-Công viết, mà thực ra do hai vua Văn, Vũ nhà Châu chép lại lời giảng của **Khương-Thái-Công** về chánh-trị và quân-sự, để lưu-truyền lại cho con cháu. Những phép-tắc trong sách ấy đã được Thái-Công dùng để phò Châu, diệt Thương.

Nếu quả thực như thế, tại sao Thái-Công lại còn viết cuốn **Thái-Công Binh-Pháp ?**

Ta nên nhớ rằng Thái-Công là một tiên-gia, linh-thông môn lý-số-học nên biết rõ tương-lai. Trong bài sấm-ký **« Càn-Khôn Vạn-Niên Ca »**, Thái-Công đã dự-đoán các thời thịnh, suy, trị, loạn, tên chiết-tự và thời-gian trị-vì của các vua nối ngôi trong một

khoảng thời-gian là một hội (10.800 năm), đến nay các sử-gia phải thừa-nhận là rất đúng. Cuối bài ca ấy, Thái-Công có đề hai câu thơ:

Tri-âm quân-tử tường thử số
Thiên địa tuần-hoàn nhất quán thông!

(nghĩa là: Bậc quân-tử tri-âm nếu biết rõ môn số-học ấy thì sẽ thông-suốt việc tuần-hoàn của trời đất).

Như thế Thái-Công phải biết trước rõ-ràng các thời suy (Đông-Chu, Tần, Sở) và thời thịnh sắp đến (Hán), do đó **Thái-Công Binh-Pháp** viết ra không phải để dùng cho nhà Châu, mà thực ra để dùng về sau cho nhà Hán. Sách ấy chắc là được giữ kín trong các động đá để lưu-truyền từ tay ẩn-sĩ này đến tay ẩn-sĩ khác mãi cho tới **Hoàng-Thạch-Công**.

Vậy cuốn **Tố-Thư** chú-giải ngày nay là một cuốn **kỳ-thư** trên đời, đã thành-hình do sự đóng góp của bốn thánh-nhân:

1.— trước-tác bởi **Lữ-Vọng**, quân-sư nhà Chu;

2.— diễn-giảng, bổ-túc và truyền-pháp bởi **Hoàng-Thạch-Công** là bậc tiên-gia đời Tần;

3.— đem ra thí-nghiệm bởi **Trương-Lương**, quân-sự nhà Hán;

4.— chú thích bởi **Lưu-Bá-Ôn**, quân-sư nhà Minh.

Thế mà sách ấy là do họ Hoàng trao cho **Trương-Lương** nên người ta có thói quen cho rằng là của **Hoàng-Thạch-Công**.

* * *

Ta nên để ý một điều quái-dị là **Hoàng-Thạch-Công** nổi tiếng trên đời là nhờ trao sách, mà sách nổi tiếng là nhờ một kẻ biết dùng là **Trương-Lương**.

Lưu-Hầu Trương-Lương tự là **Tử-Phòng** là người nước Hàn, tổ-tiên làm quan nước ấy đã năm đời. Khi nhà Tần diệt nước Hàn thì Lương còn trẻ chưa làm quan, tôi-tớ trong nhà có tới 300 người. Lương dùng tất cả gia-tài để cầu khách đâm Tần-Vương báo thù cho Hàn. Khi Tần-Hoàng dâng-du, lực-sĩ của Lương cầm dùi sắt đâm lầm vào xe phụ vì thiên-tử khi du-hành dùng tới 36 xe. Tần-Hoàng giận lắm, sai quân lùng bắt kẻ hành-thích gắp lắm

Lương bèn dấu tên họ trốn ở Hạ-Bì. Khi rồi, Lương thường thung dung đi bộ hóng mát trên **Cầu Dĩ**. Một ngày kia, có một ông già đi đến chỗ Lương đứng, làm rơi giày xuống dưới chân cầu bảo Lương xuống lượm giày lên. Lương ngạc-nhiên, giận lắm nhưng vì nể tuổi-tác nên miễn-cưỡng trèn xuống lượm giày. Ông già lại bảo Lương xỏ giày vào chân ông ta. Lương cũng vâng lời quỳ xuống xỏ giày. Ông già bèm mim cười và bỏ đi không một lời cám ơn. Lương kinh-ngạc đưa mắt nhìn theo. Ông già đi được một dặm rồi quay lại bảo: Cậu bé dễ dạy đấy! Năm ngày nữa, vào lúc bình-minh hãy trở lại gặp ta ở chỗ này! Lương lại càng quái lạ, quỳ xuống thưa vâng. Năm ngày sau, vào lúc bình-minh, Lương đến chỗ cũ thì đã thấy ông già đã đến trước ngồi chờ từ lâu. Ông già giận dữ nói: Đối với người già, sao lại trễ hẹn! Năm ngày nữa phải đến cho sớm! Nói xong rồi đi. Năm ngày sau lúc gà gáy, Lương lại đến chỗ cũ nhưng thấy ông già đã đến trước. Ông ta giận dữ nói: Sao lại đến trễ? Năm ngày nữa phải đến cho sớm! Nói xong rồi đi. Năm ngày sau, chưa tới nửa đêm, Lương đã tới. Đợi một chốc ông già đến mim cười nói: Nên như thế! Ông lấy ra một pho sách và nói: Đọc sách này thì sẽ làm thầy của bậc đế-vương. Mười năm nữa thì khởi-sự. Mười ba năm nữa, cậu bé sẽ gặp ta ở phía bắc nước Tề, dưới chân núi Cốc-Thành. **Hoàng-Thạch-Công** tức là ta đây! Ông già nói xong bèn đi không thêm lời nào, và không được gặp lại nữa. Đến sáng sớm, Lương xem sách thì biết là **Thái-Công Binh-Pháp**, thì lấy làm lạ lắm! Lương thường đem sách ra ngâm đọc và thực-hành.

Trên đây chỉ là huyền-thoại kể lại Lương đã nhận sách **Tó-Thư** trong hoàn-cảnh nào. Về việc Lương có được tiếp-xúc nhiều ông già trong thời-gian ẩn-cư không, thì ta không thể biết rõ. Theo chỗ hiểu biết riêng của dịch-giả về phép tu-học của đạo-gia thì sự hiểu-biết không do lý-trí, mà do ở hành-động (**Thuyết tri-hành hiệp nhất** của **Vương-Dương-Minh**, của **Nietzches**, v. v. . .) nên một chân-lý không thể lãnh-hội bằng cách đọc sách mà thôi. Tôi tin rằng từ chốn xa-xôi, bậc tiên-gia họ Hoàng đã truyền giáo-

pháp qua không-gian cho **Trương-Lương** trong suốt thời-gian ẩn-cư nơi Hạ-Bì, trong thời-gian khởi-nghĩa, và thời-gian giúp Hán-Vương. Đó là cách truyền dạy mà không nói của các bậc liên gia đối với đệ-tử cho đến khi hoàn-toàn đắc đạo và trong thời-gian hành-đạo về sau.

Trương-Lương giúp **Lưu-Bang** gây dựng nhà Hán như thế nào, sách Tây-Hán-Chí (hoặc Hán-Sở tranh-hùng) có thuật rõ, dịch-giả không dám kể rườm-rà ở đây mà chỉ mượn hai bài thơ sau đây (hơi khác nhau) của **Nguyễn-công-Trứ** để lược-thuật sự nghiệp của **Trương-Lương**:

VỊNH TRƯƠNG - LƯU - HẦU

Năm năm uốn lưỡi trong màn,
Một mình ơn Hán nợ Hàn trả xong
Trương Lưu-Hầu là Hàn-công-tử
Dõi năm đời chung đỉnh đại cân
Liều một dùi chưa trả nợ cố-quân
Uống ba tác lấy thân thờ Hán-chúa
Thuốc độc phun Tần lấy đến Sở
Mùi thơm ngậm Hán trún cho Hàn
Trong một năm gầy một mối giang-san
Đền nợ nước ơn sâu đầy vẹn sóng
Trường phú-quý xem bằng mây mòng
Túi Xích-Tùng riêng đùng-đình đầy thanh-sơn
Nhục vinh gác chuyện Tiêu, Hàn.

* * *

Trương Lưu-Hầu là Hàn-công-tử
Dõi năm đời chung đỉnh nước Hàn
Đến chừng khi quốc-vận đa gian

Niềm ưu-ái phải chăm bề báo-phục
Cơn xung-đột trải mấy lần gai góc
Đến Trần-Lưu xảy gặp Lưu-Quân
Năm năm ba tấc lưỡi kinh-luân
Mầu thao-lược vây Tần nhốt Hạng
Ơn Hán vẹn, nợ Hàn chẳng vướng
Túi vương-hầu treo gửi gánh Hoàng-Công
Một mình lui tới thung-dung.

* * *

Khi dịch sách này tôi đã đưa ra một nguyên-tắc làm việc : Nếu gặp chỗ nào khó hiểu hoặc vô-lý, tôi cũng gắng dịch cho sát nghĩa và để dành phần phê-phán cho độc-giả khi đối-chiếu với bản Hoa-văn kèm theo, chớ không dịch theo thiên-kiến của mình, hoặc dịch sao cho xuôi tai hợp-lý thì thôi, bất chấp cả bản Hoa-văn (Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri giả).

Có bản Hoa-văn kèm theo bản dịch, cốt là để hiến độc-giả một tài-liệu khảo-cứu vì cuốn **Tố-Thư** hiếm có trên thị-trường và cũng là để dịch-giả phải tự buộc mình theo một kỷ-luật là phải dịch sát nguyên-văn. Phần Hoa-văn được phiên-âm là để giúp các độc-giả mới học Hoa-ngữ.

Sau khi dịch xong, tôi đưa bản dịch cho **Mã-Nguyên-Lương** tiên-sinh xem lại và sửa chữa, nhờ đó tránh được nhiều chỗ sai-lầm.

Trong văn xưa, một chữ có rất nhiều nghĩa, nghĩa xưa khác nghĩa nay, và lại rất khó mà biết đúng ý-nghĩ của người xưa, nên việc dịch sách không thể tránh khỏi những lỗi-lầm, vậy xin độc-giả ban cho lời chỉ-giáo.

* * *

Sau khi đọc xong bản dịch cuốn **Tố-Thư** có thể rằng độc-giả sẽ tự hỏi : Sách chẳng có gì hay-hơ khác thường, thế tại sao

trong lời tựa cũ, Triệu tiên-sinh lại bảo rằng chỉ các bậc Thần-Tiên Thánh-Hiền mới có quyền đọc nó? Đó là lời nói quá đáng chăng?

Dịch-giả xin thưa rằng: Cách đọc sách của thánh-hiền đời xưa và của người phàm-tục đời nay có chỗ khác nhau.

Bậc thánh-hiền đời xưa tự chọn một lối sống đặc-biệt: **ăn chẳng cầu no, ở chẳng cầu an, nằm gai nếm mật, trải nắng dầm sương, soi ánh trăng mà đọc binh-thư, múc nước suối mà mài bảo-kiếm, dốc tâm dốc chí cầu đạo và hành-đạo** (xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo), **đọc sách thì tìm hiểu cho tới nơi tới chốn, tìm hiểu thấu-đáo thì biết được chơn-lý rốt-ráo, biết rốt-ráo thì học thuộc nằm lòng rồi ngâm đọc hằng ngày, và không đọc gì khác hơn nữa** (theo chủ-trương chỉ đọc một sách: l'homme d'un seul livre).

Bây giờ dịch-giả xin hỏi trở lại độc-giả: Một bậc thánh-hiền bỏ của cầu nghèo, bỏ thân cầu đạo, hâm-mộ đạo-đức cho đến nỗi bỏ quên vợ con như **Khổng-Tử** (vợ chết hồi nào không hay), hoặc đến nỗi bị vợ dể bỏ như **Khương-Thái-Công**, nếu bậc ấy suốt ngày chỉ ngâm đọc **Tố-Thư**, thì kết-quả sẽ thế nào?

Tôi xin trả lời thay: **Một kẻ suốt ngày chỉ nghĩ đến điều điều ác, ắt sẽ làm điều ác; một kẻ suốt ngày chỉ nghĩ đến điều thiện, ắt sẽ làm điều thiện.** Đó là hiện-tượng tự-kỷ ám-thị, chẳng có gì là lạ-lùng cả!

Vậy **một bậc thánh-hiền hằng ngày ngâm đọc Tố-Thư ắt sẽ tự-nhiên hành-đạo theo chơn-lý của Tố-Thư, chớ không thể làm khác.** Trong khi hành-đạo nếu có gặp nhiều trở-lực phạm nhiều lỗi-lầm, gặp nhiều thất-bại, thì những trở-lực ấy, lỗi-lầm ấy, thất-bại ấy sẽ giúp thêm nhiều kinh-nghiệm cho bản-thân, làm cho tâm-chí bền-vững hơn nữa! Bậc thánh-hiền ấy ắt sẽ làm nên sự-nghiệp, nêu danh thơm muôn thuở!

Vậy lời Triệu tiên-sinh cho rằng sách Tố-Thư chỉ để dành riêng cho các bậc Thần-Tiên, Thánh-Hiền, chẳng phải là lời nói ngoa nữa!

Còn kẻ phàm-tục đời nay đọc sách trong hoàn-cảnh nào và theo phương-pháp nào?

Cũng là người phàm-tục, kẻ hèn này suốt ngày bận-tâm về việc ăn ngon, mặc đẹp, giường êm, nệm ấm, tiền-bạc, sinh-kế, lại nghiện nặng các thứ quà vặt, báo-chí, phim-ảnh, âm-nhạc,... cũng thường nuôi mộng-tưởng xe hơi, nhà lầu, tủ lạnh, máy lạnh, máy truyền-hình,... và bằng-cấp, địa-vị! Có được hưởng đầy-đủ các tiện-nghi vật-chất như thế mới « **tiến-bộ** » theo kịp « **trào-lưu văn-minh** », còn nếu không được như thế là cổ-hủ, là thoái-hóa, là không thành-công, là đáng xấu-hổ! Hoàn-cảnh vật-chất ấy đã trói buộc bản-thân, chi-phối hoạt-động, làm cho con người mất hết tự-do và chí-khí.

Thêm nữa khi tự xét mình, kẻ hèn này cũng tự cảm thấy thường quá chăm lo việc tư, xao lãng việc công, nặng tình vợ con, nhẹ tình tổ-tiên, đất nước. Tóm lại, kẻ hèn này đúng là một người sa-đọa, một kẻ bất-hiếu, bất trung!

Khi đó là người phàm-tục, kẻ hèn này nếu có đọc sách thì chỉ là để giải-trí cho qua thì-giờ, để tìm những điều mới lạ, hấp-dẫn, để thỏa-mãn tánh hiếu-kỳ, đọc qua-loa để có dịp khoe rằng ta đã đọc sách ấy và để tỏ ra cho mọi người biết ta là người trí-thức. Trong hạng người phàm-tục, không thể kiếm ra một người như **Trương-Lương** kính già, yêu trẻ [1] bỏ gia-tài để cầu khách, lìa quê-hương để kiếm nhân-tài rửa hận cho nhà, báo thù cho nước... đến lúc công thành, danh toại thì trả ấn từ quan, đi ngao-du sơn-thủy, thoát vòng lợi-danh!

---

(1) **Trương-Lương lượm giày cho ông già Hoàng-Thạch-Công, và thường đàn để dạy cho trẻ con ca hát,** như câu thơ của *Trần-Tế-Xương* đã nhắc:

Nhớ những kẻ đàn hòa xui miệng trẻ,
Biết mười mươi còn ngoảnh mặt làm thinh!...

Hoàng-Thạch-Công đem sách **Tố-Thư** mà trao cho kẻ bất-hiếu, bất-trung thì phí mất sách, nên phải tìm cho được người xứng-đáng như **Trương-Lương**. Vậy lời **Triệu-văn-Túc** cho rằng chỉ hạng Thần-Tiên, Thánh-Hiền mới đọc được sách này chẳng phải là lời nói ngoa đó !

Là một người cũng phàm-tục như ai, kẻ hèn này tự thấy xấu-hổ, chưa xứng-đáng là kẻ ngâm đọc **Tố-Thư**, nên vụng dịch sách này để dâng lên các bậc hiền-thánh trên đời.

Tỉnh Gia-Định, Xã Phú-Nhuận

Ngày 25 tháng 8 năm Bính-Ngọ

LÊ-XUÂN-MAI

BÀI TỰA CŨ SÁCH TỐ-THƯ CỦA TRIỆU-VĂN-TÚC ĐỜI NHÀ MINH.

— Xét đời Tiền-Hán, **Hoàng-Thạch-Công** trao sách **Tố-Thư** có sáu thiên cho **Trương-Tử-Phòng** lại **Cầu Di**, thì người đời phần nhiều cho là sách **Tam-Lược**, đó là sự đồn-dãi sai-lầm.

Sách ấy có tất cả 1256 tiếng, có lời rõ kín dễ hiểu ngầm mới hay, có thể bàn-luận nhưng không bằng để học-giả tự hiểu ngầm.

Có mưu-kế hay không bằng giữ cách ngu dại, kẻ cứng là giặc, người mềm là đức, thực có thể lấy sự mềm yếu làm đạo-khí.

— Không được truyền cho kẻ vô đạo, cho kẻ chẳng phải thần, chẳng phải thánh, chẳng phải hiền. Vì bằng không phải vào hạng người đáng truyền như trên, mà lại truyền cho, ắt là phải chịu tai-ương trời giáng. Gặp người đáng truyền mà lại không truyền, thì cũng bị tai-ương trời giáng, ô hô, sự thận-trọng thật là như vậy đó !

— **Thạch-Công** gặp được **Tử-Phòng** mà truyền cho, còn **Tử-Phòng** không gặp được người xứng-đáng để truyền nên phải nương náu ở **Tịch-Cốc Đại-Ẩn-Sơn** (tức là núi Tiên-Tử-Bách ngày nay).

— Năm trăm năm sau, cuối đời Tấn có người tìm được sách ấy trong động đá, đem dâng lên quốc-sư nhà Đại-Minh là **Lưu-Bá-Ôn.** Họ Lưu bèn tự mình viết thêm lời chú-giải, và từ đấy sách **Tố-Thư** lại được lưu-truyền trong nhân-gian.

— Nhưng trong sách lưu-truyền ấy, bất quá chỉ là lời của **Hoàng-Thạch-Công** đó thôi, còn về ý-tứ của Công, lời ấy có thể diễn-tả hết được sao? Kẻ ngu này đã từng suy nghĩ về điều ấy.

— Đạo không ngày nào là không có trong trời đất, các bậc thánh-hiền xưa đều hết lòng vào đấy. Vua **Nghiêu** kính-cẩn chăm-chỉ như Thượng-Đế, Vua **Thuấn** chỉnh-đốn bầy phép chánh-trị, Vua **Vũ** lập ra chín phép trù để trị thiên-hạ, sách Truyện giải bày đạo trời, Vua **Văn** xếp tám quẻ, ông **Châu-Công** lập quan-lại theo trời đất bốn mùa, lại lập ra Tam-Công để điều-hòa âm-dương, sách Xuân-Thu và Hiếu-Kinh của **Khổng-Tử**, năm ngàn chữ của **Lão-Đam**, chẳng sách nào là không nói đến đạo. **Âm-Phù-Kinh** nói: Vũ-Trụ ở trong tay, vạn-vật ở trong thân mình, đạo đến đó ắt là quỷ-thần biến-hóa đều không ra khỏi phạm-vi của ta, huống chi là hình-danh và phép đo toán tỉ-mỉ hay sao?

— **Hoàng-Thạch-Công** là người quân-tử ở ẩn đời Tần, sách của ông giản-dị, ý-tứ thâm-thúy, tuy Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Châu-Công, Khổng-Tử cũng không ra khỏi sách ấy. Chắc là Thạch-Công biết Tần sắp mất, Hán sắp hưng nên lấy sách ấy trao cho **Tử-Phòng**. Còn **Tử-Phòng** há đã dùng hết sách ấy sao? Tử-Phòng phò nhà Hán chỉ dùng hai hay ba phần mà thôi. Kinh-Thư nói: **Mưu-kế bí-mật mà tiết-lậu ra thì thất-bại.** Tử-Phòng cũng thường khuyên vua Cao-Đế và Hàn-Tín như vậy. Kinh-Thư nói: **Oán nhỏ mà không bỏ qua thì oán lớn ắt sinh.** Tử-Phòng cũng dùng lời ấy để khuyên Cao-Đế-Hầu và Ung-Xỉ. Kinh-Thư nói: **Bày ra việc quyền-biến để gỡ rối.** Tử-Phòng

đặt ra bốn ông già (Tứ-Hạo) để lập vua Huệ-Đế. Kinh Thư nói: **Chẳng gì tốt bằng biết đủ.** Tử-Phòng đã chọn điều ấy để dùng riêng cho mình và tự bó-buộc câu-thúc mình. Kinh-Thư nói: **Dứt điều ham-thích, ngăn điều thèm muốn để trừ phiền-lụy.** Tử-Phòng dùng điều ấy để bỏ việc đời, đi ngao-du theo Xích-Tùng-Tử. Than ôi! Bỏ để lại, cặn bỏ đi mà còn đủ để làm mất Tần, Hạng mà lập vua Bái-Công, huống hồ là dùng đầy-đủ, sâu-xa và bồi-bổ thêm!

— Từ nhà Hán về sau, sự học chương-cú văn-từ rất thịnh-hành, những kẻ sĩ biết đạo lại thường ít có. Kẻ ẩn-cư cầu chí làm điều nghĩa, hiểu thấu đạo như **Nghiêm-Lăng, Gia-Cát** không thể có nhiều, vì thế mà sách này không truyền cho kẻ vô đạo, chẳng phải thần, chẳng phải thánh, chẳng phải hiền.

Lìa có, lìa không gọi là Đạo
Chẳng có, chẳng không gọi là Thần
Có mà không gọi là Thánh.
Không mà có gọi là Hiền

(Ly hữu, ly vô chi vị đạo, phi hữu phi vô chi vị thần, hữu nhi vô chi chi vị thánh, vô nhi hữu chi chi vị hiền).

Nếu chẳng phải hạng người ấy, dầu có tụng hằng ngày sách này cũng không thể lành-hội mà tự thi-hành được.

Triều Đại-Minh, niên-hiệu Vạn-Lịch, năm Mậu-Tý, mùa thu, Triệu-văn-Túc ghi chép.

黃石公素書

HUỲNH - THẠCH - CÔNG TỐ - THƯ

原始章第一

NGUYÊN - THỦY CHƯƠNG ĐỆ NHỨT

夫道德仁義禮五者一
1.— Phù đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ, ngũ giả, nhất
體也
thể giả.

道者人之所蹈使萬物
2.— Đạo giả nhân chi sở đạo, sử vạn vật
不知其所由
bất tri kỳ sở do.

德者人之所得被萬物
3.— Đức giả nhân chi sở đắc, bị vạn vật
各得其所欲
các đắc kỳ sở dục.

仁者人之所親有慈惠
4.— Nhân giả nhân chi sở thân, hữu từ huệ
惻隱之心以遂其生成
trắc ẩn chi tâm, dĩ toại kỳ sinh thành.

SÁCH TỐ-THƯ CỦA HOÀNG-THẠCH-CÔNG

CHƯƠNG THỨ NHẤT: NGUYÊN-THỦY

1—. **Đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ,** năm điều ấy thuộc về một thể.

2.— **Đạo** [1] là cái đường mà người ta bước theo, sai-khiến tất-cả vạn-vật không biết do theo đâu mà đi.

3.— **Đức** [2] là cái mà người ta được nơi mình, bao trùm mọi việc, làm cho tất cả đều được như ý muốn của mình.

4.— **Nhân** là điều mà người ta thường mến, là sự có lòng từ-bi, thương xót để làm toại lòng muôn loài sinh ra trong trời đất [3].

(1) **Đạo** là luật biến-hóa chung của vũ-trụ (loi universelle) cai-quản muôn loài.

(2) **Đức** là quyền-năng thiêng-liêng của các bậc thánh, nhờ đó mà họ làm việc gì cũng dễ thành-công.

(3) Có ý nói rằng lòng nhân thấm-nhuần tới côn-trùng, cây cỏ.

5.— 義者人之所宜賞善罰惡以立功立事
Nghĩa giả nhân chi sở nghi, thưởng thiện phạt ác dĩ lập công lập sự.

6.— 禮者人之所履夙興夜寐以成人倫之序
Lễ giả nhân chi sở lý, túc hưng dạ mị dĩ thành nhân luân chi tự.

7.— 信足以一異義足以得衆德足以懷遠才足以鑑古明足以照下此人之俊也
Tín túc dĩ nhất dị, nghĩa túc dĩ đắc chúng, đức túc dĩ hoài viễn, tài túc dĩ giám cổ, minh túc dĩ chiếu hạ, thử nhân chi tuấn giả.

8.— 行足以爲儀表智足以決嫌疑信可以守約廉可以使分財此人之豪也
Hạnh túc dĩ vi nghi biểu, trí túc dĩ quyết hiềm nghi, tín khả dĩ thủ ước, liêm khả dĩ sử phân tài, thử nhân chi hào giả.

5.— **Nghĩa** là điều mà người ta nên theo, như là tưởng-thưởng điều thiện, trừng-phạt điều ác để làm nên việc.

6.— **Lễ** là cái qui-củ mà người ta theo, như là sớm dậy tối ngủ, để thành ra cái luân-thường thứ-tự của con người.

7.— **Tín** phải đủ để chỉ có riêng một lòng mà thôi, **nghĩa** phải đủ để người ta theo mình, **đức** phải đủ để người mong nhớ nơi xa, **tài** phải đủ để noi gương người xưa, **minh-mẫn** phải đủ để soi xuống dưới, người có đủ điều-kiện trên là bậc **anh-tuấn**.

8.— **Hạnh** phải đủ để làm khuôn phép, **trí** phải đủ để dứt hiềm-nghi, **tín** phải có để giữ hẹn, **liêm** phải có để sai-khiến phân-phối của-cải, người có đủ điều-kiện trên là bậc **anh-hào**.

9.— 守職而不廢處義而不
Thủ chức nhi bất phế, xử nghĩa nhi bất
回見嫌而不苟免見利
hồi, kiến hiềm nhi bất cẩu miễn, kiến lợi
而不苟得此人之傑也
nhi bất cẩu đắc, thử nhân chi kiệt giã.

求人之志章第二

CẦU NHÂN CHI CHÍ CHƯƠNG ĐỆ NHỊ

10.— 夫欲爲人之本不可無
Phù dục vi nhân chi bổn, bất khả vô
一焉
nhất yên.

11.— 賢人君子明於盛衰之
Hiền nhân quân tử minh ư thạnh suy chi
道通乎成敗之數審乎
đạo, thông hồ thành bại chi số, thẩm hồ
治亂之勢達乎去就之
trị loạn chi thế, đạt hồ khứ tựu chi
理故潛居抱道以待其
lý, cố tiềm cư bảo đạo dĩ đãi kỳ
時
thời.

9.— Giữ **chức-vụ** mà không bỏ phế, xử-sự theo **chánh-nghĩa** mà không dối lòng, thấy điều **hiểm-nghi** mà không miễn-chấp bừa bãi, thấy điều **lợi** mà không lấy bừa-bãi, người có đủ điều-kiện trên là bậc **anh-kiệt**.

CHƯƠNG THỨ HAI:

CẦU CHÍ-HƯỚNG CỦA NGƯỜI

10.— Muốn tạo ra căn-bản cho người, chẳng thể không một vậy [1].

11.— Hiền-nhân, quân-tử hiểu rõ cái đạo thạnh-suy, thông-suốt cái số-mệnh thành bại, xét cái thế trị-loạn, hiểu thấu cái lý tan hợp, cho nên ẩn-nấu giữ đạo để chờ thời.

---

(1) **Một** đây có nghĩa là cái thể độc-nhất chưa phân-tán thành năm phần là đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ. (Xem câu đầu chương thứ nhất).

若時至而行則能極人
12.— Nhược thời chí nhi hành, tắc năng cực nhân-
臣之位得機而動則能
thần chi vị, đắc cơ nhi động tắc năng
成絕代之功
thành tuyệt đại chi công.
如其不遇没身而已
13.— Như kỳ bất ngộ, một thân nhi dĩ.
是以其道足高而名重
14.— Thị dĩ kỳ đạo túc cao, nhi danh trọng
於後代
ư hậu đại.

正道章第三

CHÁNH-ĐẠO CHƯƠNG ĐỆ TAM

絕嗜禁欲所以除累
15.— Tuyệt thị cấm dục sở dĩ trừ lụy.
抑非損惡所以讓過
16.— Ức phi quyên ác sở dĩ nhượng quá.
貶酒闕色所以無汚
17.— Biếm tửu quyết sắc sở dĩ vô ô.
避嫌遠疑所以無誤
18.— Tị hiềm viễn nghi sở dĩ vô ngộ.
博學切問所以廣知
19.— Bác học thiết vấn sở dĩ quảng tri.

12.— Nếu thời đã tới mà ra hành đạo thì có thể ở địa-vị quan đại-thần tối-cao, gặp cơ-hội mà hành-động thì có thể làm nên công-nghiệp vẻ-vang nhất trên đời.

13.— Nếu không gặp thời, thì thân-thể phải chịu chìm đắm để mà tiêu-tan.

14.— Như thế để cho cái đạo đủ cao mà danh tiếng được lừng-lẫy đời sau.

CHƯƠNG THỨ BA:

CHÁNH - ĐẠO

15.— Dứt điều thích, ngăn điều muốn để trừ phiền-lụy.

16.— Dẫn điều trái, bỏ việc ác để từ bỏ lỗi-lầm.

17.— Chế rượu, lánh sắc để khỏi nhuốm dơ.

18.— Tránh điều ngờ, xa điều nghi để khỏi lầm-lạc.

19.— Học rộng, hỏi cặn-kẻ để biết nhiều.

高行微言所以修身
20.— Cao hành vi ngôn sở dĩ tu thân.

恭儉謙約所以自守
21.— Cung kiệm khiêm ước sở dĩ tự thủ.

謀深計遠所以不窮
22.— Mưu thâm kế viễn sở dĩ bất cùng.

親仁友直所以扶顛
23.— Thân nhân hữu trực sở dĩ phù điên.

近恕篤行所以接人
24.— Cận thứ đốc hành sở dĩ tiếp nhân.

任材使能所以濟務
25.— Nhiệm tài sử năng sở dĩ tế vụ.

擅惡斥讒所以止亂
26.— Đàn ác xích dàm sở dĩ chỉ loạn.

推古驗今所以不惑
27.— Suy cổ nghiệm kim sở dĩ bất hoặc.

先揆後度所以應卒
28.— Tiên quỹ hậu độ sở dĩ ứng thốt.

設變制權所以解結
29.— Thiết biến chế quyền sở dĩ giải kết.

括囊順會所以無咎
30.— Quát nang thuận hội sở dĩ vô cữu.

20.— Làm việc to lớn, nói lời nhỏ nhẹ để sửa mình.

21.— Kính-cẩn, dè-dặt, nhún-nhường, tằn-tiện để giữ thân.

22.— Mưu-kế sâu-xa để khỏi cùng khốn.

23.— Gần-gũi người nhân-từ, kết bạn với người ngay thẳng để giúp đỡ nhau trong lúc tai-nạn.

24.— Gần-gũi rộng-lượng, cẩn-thận chu-đáo để tiếp-đãi người

25.— Bổ-nhiệm và sử-dụng kẻ tài-năng để cho xong việc.

26.— Giận-ghét kẻ độc-ác, đuổi hẳn kẻ dèm pha để ngừa loạn.

27.— Tìm xưa xét nay để khỏi nghi-ngờ.

28.— Trước đo sau lường để đối-phó các việc bất ngờ gấp rút.

29.— Bày đặt ra các việc quyền-biến để gỡ rối.

30.— Buộc túi, gặp thuận để khỏi tội-lỗi [1].

---

(1) Về chỗ này Lưu-Bá-Ôn chú-thích như sau : Bậc quân-tử nói, sinh đều hợp thời, xuất xử đều hợp đạo, buộc túi lại để chẳng ai thấy cái đẹp-thuận gặp để chẳng ai thấy cơ-mưu, nhờ đó mà khỏi tội-lỗi, tai-vạ.

概 概 梗 梗 所 以 立 功
31.— Quyết quyết ngạnh ngạnh sở dĩ lập công.
孜 孜 淑 淑 所 以 保 終
32.— Tư tư thục thục sở dĩ bảo chung.

本德宗道章第四

BỐN ĐỨC TÔN ĐẠO CHƯƠNG ĐỆ TỨ

夫 志 心 篤 行 之 術 長 莫
33.— Phù chí tâm đốc hành chi thuật, trường mạc
長 於 博 謀
trường ư bác mưu;
安 莫 安 於 忍 辱.
34.— An mạc an ư nhẫn nhục;
先 莫 先 於 修 德
35.— Tiên mạc tiên ư tu đức;
樂 莫 樂 於 好 善
36.— Lạc mạc lạc ư hiếu thiện;
神 莫 神 於 至 誠
37.— Thần mạc thần ư chí thành;

31.— Chặt-chẽ [1], vững-vàng [2] để lập công.

32.— Chám lo [3], hiền-lành [4] để giữ-gìn chung-cuộc cho toàn vẹn [5].

---

(1) Theo Lưu-Bá-Ôn : Quyết-quyết là có chỗ dựa cho nên không thể lay chuyển ;

(2) Ngạnh-ngạnh là có chỗ đứng nên không thể khuất nhiễu.

(3) Tư-tư là đã gắng lại gắng thêm mãi ;

(4) Thực-thực là đã lành lại càng lành thêm.

(5) Lập công không bằng giữ-gìn chung-cuộc cho vẹn-toàn.

CHƯƠNG THỨ TƯ :

DÙNG ĐỨC LÀM NỀN GỐC, LẤY ĐẠO LÀM CAO-QUÍ

33.— Về thuật làm việc hết lòng, gắng sức thì chẳng có gì lâu-dài bằng lộng mưu.

34.— Chẳng có gì yên bằng nhẫn-nhục.

35.— Chẳng có gì cần trước hơn là tu đức.

36.— Chẳng gì vui bằng mến điều lành.

37.— Chẳng có gì mầu-nhiệm hơn lòng chí-thành.

明 莫 明 於 體 物
38.— Minh mạc minh ư thể vật.

苦 莫 苦 於 多 願
39.— Khổ mạc khổ ư đa nguyện.

吉 莫 吉 於 知 足
40.— Cát mạc cát ư tri túc.

悲 莫 悲 於 精 散
41.— Bi mạc bi ư tinh tán.

病 莫 病 於 無 常
42.— Bệnh mạc bệnh ư vô thường.

幽 莫 幽 於 貪 鄙
43.— U mạc u ư tham bỉ.

孤 莫 孤 於 自 恃
44.— Cô mạc cô ư tự thị.

危 莫 危 於 任 疑
45.— Nguy mạc nguy ư nhiệm nghi.

敗 莫 敗 於 多 私
46.— Bại mạc bại ư đa tư.

短 莫 短 於 苟 得
47.— Đoản mạc đoản ư cẩu đắc.

遵義章第五

TUÂN NGHĨA CHƯƠNG ĐỆ NGŨ

以 明 示 下 者 闇
48.— Dĩ minh thị hạ giả ám.

38.— Chẳng có gì sáng-suốt bằng cách xét cái thể-chất bên trong của sự vật.

39.— Chẳng có gì khổ bằng mong nhiều.

40.— Chẳng có gì tốt bằng biết đủ.

41.— Chẳng có gì đáng thương xót bằng tán tinh [1].

42.— Chẳng có gì bệnh hơn là sự vô-thường (không chắc-chắn).

43.— Chẳng có gì ngu tối cho bằng tham-lam, keo bẩn.

44.— Chẳng có gì cô-độc bằng ý mình.

45.— Chẳng có gì nguy-hiểm bằng dùng kẻ đáng nghi.

46.— Chẳng có gì dễ thất-bại bằng có óc riêng-tư.

47.— Chẳng có gì ngăn-ngủi bằng của vô-nghĩa (lấy bằng cách không chính-đáng).

CHƯƠNG THỨ NĂM :
HÀNH-ĐỘNG THEO CHÍNH-NGHĨA.

48.— Đem sự sáng-suốt mà bày tỏ cho kẻ dưới rõ là ngu tối [2].

(1) Tinh đây là một trong ba chất quí báu tinh, khí, thần của con người, cần-thiết để giữ mạng sống lâu dài (đạo dưỡng-sanh).

(2) Đạo của thánh-hiền là trong thì sáng-suốt mà người tỏ ra tối-tăm (Thánh-hiền chi đạo nội minh ngoại hối : Lưu-Bá-Ôn).

有過不知者蔽
49.— Hữu quá bất tri giả tế.

迷而不返者惑
50.— Mê nhi bất phản giả hoặc.

以言取怨者禍
51.— Dĩ ngôn thủ oán giả họa.

令與心乖者廢
52.— Lệnh dữ tâm quai giả phế.

後令謬前者毀
53.— Hậu lệnh mậu tiền giả hủy.

怒而無威者犯
54.— Nộ nhi vô uy giả phạm.

好直辱人者殃
55.— Hiếu trực nhục nhân giả ương.

戮辱所任者危
56.— Lục nhục sở nhiệm giả nguy.

慢其所敬者凶
57.— Mạn kỳ sở kính giả hung.

貌合心離者孤
58.— Mạo hợp tâm ly giả cô.

親讒遠忠者亡
59.— Thân sàm viễn trung giả vong.

近色遠賢者昏
60.— Cận sắc viễn hiền giả hôn.

女謁公門者亂
61.— Nữ yết công môn giả loạn.

49.— Có lỗi mà không biết là bị che lấp.

50.— Mê mà không tỉnh lại là lầm-lạc.

51.— Dùng lời nói mà chuốc lấy thù-oán là tự gây tai-họa [1].

52.— Tâm-ý và mệnh-lệnh đều trái lẽ thì việc sẽ bỏ-phế (bế-tắc).

53.— Nói-năng bừa-bãi trước rồi ra lệnh sau thì hư việc.

54.— Nổi giận mà không có uy-tín thì sẽ bị xúc-phạm (hoặc: mang tội lấn-lướt) [2].

55.— Ưa sự ngay thẳng mà làm nhục người là mua lấy tai-ương;

56.— Trừ cái nhục (riêng) cho kẻ mà mình đang dùng là nguy-hiểm [3];

57.— Ngạo-mạn đối với các bậc đáng kính [4] là việc hung-ác xấu-xa, bất lợi;

58.— Bề ngoài thì hợp ý, mà trong lòng thì xa cách, như thế là lẽ loi;

59.— Gần-gũi kẻ dèm pha, xa cách người trung-trực thì bị diệt-vong;

60.— Gần sắc đẹp mà xa người hiền là ngu tối;

61.— Gần đến cửa công thì loạn;

---

(1) Làm mà dám nói ra, đó là quyền tại mình mà họa tại người; nói mà không làm được, đó là quyền tại người, họa tại mình (Lưu-Bá-Ôn).

(2) Văn-Vương không nổi lớn mà bốn nước đều sợ uy-nghi (Lưu-Bá-Ôn). Khổng-Tử nói: Không cần nổi giận mà dân cũng phải sợ cái uy-lực của [illegible]-lệnh (Bất nộ nhi dân uy ư thiết-việt).

(3) Báo-thù riêng cho kẻ dưới tay là nguy-hiểm.

(4) Có ba bậc đáng kính: bậc có tuổi-tác, bậc có tước-vị, bậc có đức-hạnh.

私人以官者浮
62.— Tư nhân dĩ quan giả phù.

凌下取勝者侵
63.— Lăng hạ thủ thắng giả xâm.

名不勝實者耗
64.— Danh bất thắng thực giả hao.

略己而責人者不治
65.— Lược kỷ nhi trách nhân giả bất trị.

自厚而薄人者棄之
66.— Tự hậu nhi bạc nhân giả khí chi.

以過棄功者損羣
67.— Dĩ quá khí công giả tổn quần.

下外異者淪亡
68.— Hạ ngoại dị giả luân vong.

既用不任者疏
69.— Ký dụng bất nhiệm giả sơ.

行賞吝色者沮
70.— Hành thưởng lận sắc giả trở.

多許少與者怨
71.— Đa hứa thiểu dữ giả oán.

既迎而拒者乖
72.— Ký nghinh nhi cự giả quai.

薄施厚望者不報
73.— Bạc thí hậu vọng giả bất báo.

貴而忘賤者不久
74.— Quí nhi vong tiện giả bất cửu.

62. — Dùng người có lòng tư-kỷ để làm việc quan (công-ích) thì không chắc-chắn ;

63. — Lấn-lướt kẻ dưới để chiếm phần thắng là xâm-phạm ;

64. — Danh mà không hơn thực thì hao-tổn [1] ;

65. — Sơ-sài [2] đối với mình mà lại trách-phạt người thì không thể trị yên.

66. — Kẻ dày với mình mà mỏng với người thì nên bỏ họ mà đừng dùng.

67. — Xét điều lỗi mà vứt bỏ công-lao của người thì tổn-hại tới quần-chúng.

68. — Kẻ dưới và người ngoài ai ai cũng khác lòng thì phải luân vong.

69. — Đã dùng mà không tín-nhiệm thì lạt-lẽo.

70. — Thưởng mà hẹp-hòi thì hỏng việc.

71. — Hứa nhiều mà cho ít thì sinh oán.

72. — Đã tiếp-đón mà lại phản-đối thì trái lẽ.

73. — Làm ít mà trông mong nhiều thì không kết-quả.

74. — Sang mà quên hèn thì chẳng lâu.

---

(1) Thực-lực là chỗ nương-tựa của thinh-danh, thinh-danh đem lại uy-quyền cho thực-lực ; nhiều thực-lực mà ít thinh-danh thì khó thành sự-nghiệp, vậy danh phải đi đôi với thực (Lưu-Bá-Ôn).

(2) Động-lượng tha-thứ đối với mình.

念舊惡而棄新功者凶
75.— Niệm cựu ác nhi khí tân công giả hung.

用人不得正者殆
76.— Dụng nhân bất đắc chính giả đãi.

强用人者不畜
77.— Cường dụng nhân giả bất súc.

爲人擇官者亂
78.— Vị nhân trạch quan giả loạn.

失其所强者弱
79.— Thất kỳ sở cường giả nhược.

決策於不仁者險
80.— Quyết sách ư bất nhân giả hiểm.

陰計外泄者敗
81.— Âm kế ngoại tiết giả bại.

厚斂薄施者凋
82.— Hậu liễm bạc thí giả điêu.

戰士貧遊士富者衰
83.— Chiến sĩ bần, du sĩ phú giả suy.

貨賂公行者昧
84.— Hóa lộ công hành giả muội.

聞善忽畧記過不忘者
85.— Văn thiện hốt lược, ký quá bất vong giả
暴
bạo.

所任不可信所信不可
86.— Sở nhiệm bất khả tín, sở tín bất khả
任者濁
nhiệm giả trọc.

75. — Nhớ lỗi cũ mà vứt bỏ công mới là điều chẳng lành.

76. — Dùng người không được chính-đáng là điều nguy.

77. — Cưỡng-bách người mà dùng thì họ chẳng thuận theo.

78. — Vì người mà chọn họ làm quan, thì loạn.

79. — Mất những điểm mạnh của mình thì trở nên yếu.

80. — Sự quyết-định chính-sách mà ở trong tay kẻ bất-nhân thì nguy-hiểm.

81. — Kế-hoạch bí-mật mà tiết-lậu ra ngoài thì thất-bại.

82. — Thu vào nhiều mà chi ra ít thì hỏng việc.

83. — Chiến-sĩ thì nghèo, kẻ đi chơi rong mà giàu ắt là nước phải suy-vong.

84. — Dùng của đút lót việc công là ám-muội.

85. — Nghe điều thiện mà không lưu ý, lại không quên lỗi cũ của người, đó là bạo-ngược.

86. — Đã dùng mà không tin, đã tin mà không dùng, là lộn-xộn.

牧人以德者集
87.— Mục nhân dĩ đức giả tập.

繩人以刑者散
88.— Thằng nhân dĩ hình giả tán.

小功不賞則大功不立
89.— Tiểu công bất thưởng tắc đại công bất lập.

小怨不赦則大怨必生
90.— Tiểu oán bất xá tắc đại oán tất sinh.

賞不服人罰不甘心者叛
91.— Thưởng bất phục nhân, phạt bất cam tâm giả bạn.

賞及無功罰及無罪者酷
92.— Thưởng cập vô công, phạt cập vô tội giả khốc.

聽讒而美聞諫而仇者亡
93.— Thính sàm nhi mỹ, văn gián nhi cừu giả vong.

能有其有者安
94.— Năng hữu kỳ hữu giả an.

貪人之有者殘
95.— Tham nhân chi hữu giả tàn.

87.— Dùng đức mà nuôi người thì họ sẽ tụ-tập.

88.— Dùng hình-pháp để trói buộc người thì họ sẽ phân-tán.

89.— Công nhỏ mà không thưởng thì không ai chịu lập công lớn.

90.— Không bỏ qua oán nhỏ thì oán lớn sẽ sinh ra.

91.— Thưởng mà người không phục, phạt mà người không vui chịu thì họ sẽ làm phản.

92.— Thưởng cho tới kẻ vô công, phạt cho tới kẻ vô tội là khốc-hại.

93.— Nghe dèm-pha mà vui, nghe can-ngăn mà hờn giận, là sẽ thất bại.

94.— Thường giữ cái mình sẵn có là yên.

95.— Tham của người là tàn-hại.

安禮章第六

AN LỄ CHƯƠNG ĐỆ LỤC

福在積善禍在積惡
96.– Phúc tại tích thiện, họa tại tích ác.

怨在不捨小過患在不
97.– Oán tại bất xả tiểu quá, hoạn tại bất
預定謀
dự định mưu.

饑在賤農寒在惰織
98.– Cơ tại tiện nông, hàn tại nọa chức.

安在得人危在失士
99.– An tại đắc nhân, ngưy tại thất sĩ.

富在迎來貧在棄時
100.– Phú tại nghinh lai, bần tại khi thời.

上無常操下多疑心
101.– Thượng vô thường thao, hạ đa nghi tâm.

輕上生罪侮下無親
102.– Khinh thượng sinh tội, vũ hạ vô thân.

近臣不重遠臣輕之
103.– Cận thần bất trọng, viễn thần khinh chi.

自疑不信人自信不疑
104.– Tự nghi bất tín nhân, tự tín bất nghi
人
nhân.

枉士無正友曲上無直
105.– Uổng sĩ vô chính hữu, khúc thượng vô trực
下
hạ.

CHƯƠNG THỨ SÁU: AN-LỄ

96.— Phúc sinh nhờ chứa thiện, họa sinh vì tích ác.

97.— Oán sinh vì không bỏ qua lỗi nhỏ, mối lo-hại sinh ra vì không tính trước mưu-kế.

98.— Đói vì khinh rẻ nghề nông, rét vì lười dệt.

99.— Yên nhờ được người, nguy vì mất kẻ sĩ.

100.— Giàu nhờ nghinh-tiếp việc xảy tới, nghèo vì bỏ lỡ thời-cơ.

101.— Bậc trên hành-động vô-thường thì kẻ dưới sẽ sinh lòng nghi-kỵ.

102.— Khinh lờn bề trên thì sinh tội, lăng-nhục kẻ dưới thì họ chẳng gần-gũi mến yêu.

103.— Bề tôi gần mà không trọng mình thì bề tôi xa sẽ khinh mình.

104.— Tự nghi mình thì không tin người, tự tin mình thì không nghi người.

105.— Kẻ sĩ có tà-tâm thì không có bạn chánh-đáng, bề trên mà cong vạy thì kẻ dưới không ngay thẳng.

危國無賢人亂政無善
106.— Ngụy quốc vô hiền nhân, loạn chính vô thiện
人
nhân.

愛人深者求賢急樂得
107.— Ái nhân thâm giả cầu hiền cấp, lạc đắc
賢者養人厚
hiền giả dưỡng nhân hậu.

國將霸者士皆歸邦將
108.— Quốc tương bá giả sĩ giai qui, bang tương
亡者賢先避
vong giả hiền tiên tị.

地薄者大物不產水淺
109.— Địa bạc giả đại vật bất sản, thủy thiển
者大魚不遊樹禿者大
giả đại ngư bất du, thụ ngốc giả đại
禽不棲林疏者大獸不
cầm bất thê, lâm sơ giả đại thú bất
居
cư.

山峭者崩澤滿者溢
110.— Sơn tiêu giả băng, trạch mãn giả dật.

棄玉抱石者盲羊質虎
111.— Khí ngọc bão thạch giả manh, dương chất hổ
皮者飾
bì giả sức.

衣不舉領者倒走不視
112.— Y bất cử lãnh giả đảo, tẩu bất thị
地者顛
địa giả điên.

106.— Nước ở cảnh nguy-biến thì không có người lành.

107.— Mến người sâu xa thì cầu hiền gấp, vui được người hiền thì nuôi người trọng-hậu.

108.— Nước sắp làm bá-chủ thì kẻ sĩ đều vẽ giúp, nước sắp mất thì người hiền đã xa lánh trước.

109.— Đất mà xấu thì vật lớn không sanh, nước mà cạn thì cá lớn không lội, cây mà trụi lá thì chim lớn không đậu, rừng mà thưa cây thì thú lớn không ở.

110.— Núi mà cao vút thì sẽ đổ, hồ mà đầy nước thì sẽ tràn.

111.— Bò ngọc gặp đá là có mắt không người, thân đã đội lốt cọp thì chỉ lòe-loẹt bề ngoài mà thôi.

112.— Cầm áo mà không cầm nơi cổ thì áo sẽ gập xuống, chạy mà không nhìn đất thì sẽ vấp ngã.

柱弱者屋壞輔弱者國
113.– Trụ nhược giả ốc hoại, phụ nhược giả quốc
傾
khuynh.

足寒傷心人怨傷國
114.– Túc hàn thương tâm, nhân oán thương quốc.

山將崩者土先隳國將
115.– Sơn tương băng giả thổ tiên huỷ, quốc tương
衰者人先斃
suy giả nhân tiên tệ.

根枯枝朽人困國殘
116.– Căn khô chi hủ, nhân khốn quốc tàn.

與覆車同軌者傾與亡
117. Dữ phúc xa đồng quỹ giả khuynh, dữ vong
國同轍者滅
quốc đồng triệt giả diệt.

見尸失者慎將失惡其
118.– Kiến di thất giả thận, tương thất ố kỳ
迹者預避之
tích giả dự tỵ chi.

畏危者安畏亡者存
119.– Úy nguy giả an, úy vong giả tồn.

夫人之所行有道則吉
120. – Phù nhân chi sở hành hữu đạo tắc cát,
無道則凶吉者百福所
vô đạo tắc hung. Cát giả bách phúc sở
歸凶者百禍所攻非其
qui, hung giả bách họa sở công, phi kỳ
神聖自然所鍾
thần thánh tự nhiên sở chung.

113. — Cột yếu thì nhà sẽ sập, bề tôi phò-tá mà yếu thì nước nghiêng đổ.

114. — Chân lạnh thì hại tim, dân oán-hận thì hại nước.

115. — Núi sập đổ thì đất đã lở trước, nước sắp suy yếu thì dân đã bị nạn chết.

116. — Rễ khô thì cành mục, dân khốn-đốn thì nước điêu-tàn.

117. — Níu theo xe lật thì sẽ bị ngã, ở theo nước mất thì sẽ bị diệt.

118. — Xem việc đã thất-bại dễ mà thận-trọng, thấy việc sắp thất-bại thì phải sợ dẫm vết chân mà lo tránh trước đi.

119. — Sợ nguy thì yên, sợ mất thì còn.

120. — Người mà làm việc có đạo-lý thì tốt, làm việc không có đạo-lý thì xấu. Nếu tốt thì trăm điều may sẽ tới, nếu xấu thì trăm điều rủi sẽ đón-đập vào, chẳng phải nhờ thần-thánh nào mà việc cũng tự-nhiên xảy tới như thế.

務善策者無惡事無遠
121.— Vụ thiện sách giả vô ác sự, vô viễn
慮者有近憂
lự giả hữu cận ưu.

同志相得
122.— Đồng chí tương đắc

同仁相憂
123.— Đồng nhân tương ưu

同智相謀
124.— Đồng trí tương mưu

同惡相黨
125.— Đồng ác tương đảng

同愛相求
126.— Đồng ái tương cầu

同美相妒
127.— Đồng mỹ tương đố

同貴相害
128.— Đồng quý tương hại

同利相忌
129.— Đồng lợi tương kỵ

同聲相應
130.— Đồng thinh tương ứng

同氣相感
131.— Đồng khí tương cảm

同類相依
132.— Đồng loại tương y

121.— Chuyên dùng kẻ lành thì không xảy việc dữ, không lo xa thì sẽ rầu gần.

122.— Cùng chí thì hợp nhau.

123 — Cùng nhân-từ thì chung lo.

124.— Cùng trí-thức thì mưu-đồ chung.

125.— Cùng làm ác thì kết bè đảng.

126.— Cùng mến thì tìm nhau.

127.— Cùng vẻ đẹp thì ghét nhau.

128.— Cùng quí một vật thì hại nhau.

129.— Cùng lợi thì kỵ (sợ) nhau.

130.— Cùng lời nói thì hưởng-ứng nhau.

131.— Cùng chí thì cảm mến nhau.

132.— Cùng loại thì nương nhau.

同義相親
133.— Đồng nghĩa tương thân

同難相濟
134.— Đồng nạn tương tế

同道相成
135.— Đồng đạo tương thành

同藝相窺
136.— Đồng nghiệp tương khuy

同巧相勝
137.— Đồng xảo tương thắng

此乃數之所得不可與
138.— Thử nãi số chi sở đắc, bất khả dữ

理違
lý vi.

釋己而教人者逆正己
159.— Thích kỷ nhi giáo nhân giả nghịch, chính kỷ

而化人者順
nhi hóa nhân giả thuận.

逆者難從順者易行難
Nghịch giả nan tòng, thuận giả dị hành; nan

從則亂易行則理如此
tòng tắc loạn, dị hành tắc lý. Như thử

理身理家理國可也
lý thân, lý gia, lý quốc khả giả.

— 終 —

133.— Cùng chính-nghĩa thì gần-gũi nhau.

134.— Cùng nạn thì giúp nhau.

135.— Cùng đạo thì chung xây-dựng.

136.— Cùng nghề thì dò nhau.

137.— Cùng khéo thì tranh nhau.

138.— Ấy là cái điều mà mình được theo số-mệnh như thế, không thể đi ngược với lý-lẽ ấy.

139.— Bỏ bê không dạy mình mà đi dạy người là nghịch. sửa mình mà dạy người là thuận. Nghịch thì khó theo, thuận thì dễ làm; khó theo thì loạn, dễ làm thì yên trị. Như thế có thể trị mình, trị nhà, trị nước vậy.

— HẾT —

Bùa nhịn cơm
của Trương-Lương Đại-Tiên

Uống bùa này để nhịn ăn cơm đã được nhiều người kinh-nghiệm thấy rất đúng, ngàn lần, muôn lần.

Mỗi sáng sớm, xoay mặt về hướng đông-nam lấy giấy trắng, bút mới, mực mới, vẽ bùa bảy lá, sáng uống ba lá, chiều uống bốn lá. Đốt bùa trong chén, rót nước trà vào, uống trọ vào bụng, mỗi ngày bảy lần, liên-tiếp trong bảy ngày cộng lại tất cả là bốn mươi chín lần.

Từ đó trở về sau không uống bùa trong bảy ngày, nếu thấy bụng đói, ăn sơ-sài một ít khoai lang (phiên thử), củ môn (vu đầu), dưa, rau, quả tươi hoặc uống nước mè (vừng) nấu sôi trăm lần (chi ma thang bách cầu thủy) để thông ruột và bao-tử, không nên ăn miến (bún) hoặc gạo. Nếu đã lỡ ăn gạo hay miến thì phải uống bùa bốn mươi chín lần trở lại như từ đầu. Tuyệt-đối cấm việc phòng the.

Lúc vẽ bùa cần phải niệm hai câu thần-chú. Mỗi lần vẽ một lá bùa thì niệm một quyết-chú sau này:

三 陰 三 陽 加 一 點
Tam âm tam dương gia nhất điểm

點 墨 成 丹 辟 穀 符
Điểm mặc thành đơn tịch cốc phù

có nghĩa là: Ba âm ba dương thêm một điểm; điểm mực thành thuốc bùa nhịn cơm.

Sớm chiều mỗi lần đốt bùa lại niệm bốn câu thần-chú. Đốt một lá bùa thì niệm quyết-chú sau này:

奉天濟世壽榕符
Phụng Thiên tế thế thọ dung phù
點墨成丹辟穀蒸
Điểm mặc thành đơn tịch cốc cô
開合陰陽能運氣
Khai hiệp âm dương năng vận khí
蒸民乃粒永無虞
Chưng dân nãi lạp vĩnh vô ngu

có nghĩa là: Vâng mệnh trời cứu đời bằng bùa cây da già; điểm mực thành thuốc nhịn cơm và cô (một thứ lúa); mở hiệp âm dương để vận khí; dân-chúng bèn cho là gạo, lâu mãi chẳng phải lo-lắng.

Đàn-ông về bùa uống chung với đàn-bà cũng được. Lúc đốt bùa nên thay mặt đàn-bà mà niệm chú.

Uống bùa này còn hơn ăn các thứ lương-thực, các thứ rau, hơn cả ăn cháo mà về sau cũng chẳng xảy ra việc gì đáng lo.

Điều cốt-yếu là khi ăn cơm trở lại, không cần hóa-giải mà chỉ cần ăn cháo trước rồi mới ăn cơm sau. Lúc đầu ăn ít, sau ăn nhiều dần, cốt yếu là chẳng nên ăn quá mau.

Khi Vua Hán-Cao-Tổ bị vây khốn ở Bạch-Đăng, Trương Lương đăng bùa này để cứu ba quân khỏi đói.

Thời Dân Quốc kháng-chiến, để thay thế gạo cơm, lương-thực thiếu-thốn, tôi thường uống bùa này rất có hiệu-nghiệm, nên ngày nay công-khai truyền bùa ấy cho người đời, nếu may-mắn chẳng bị người cho là khoác lác, thì đó là điều tôi mong cầu.

Dân-Quốc Kỷ-Sửu,
Thái-Siêu-Vân ghi chép.

素書

TỐ-THƯ

太公兵法

THÁI-CÔNG BÍNH-PHÁP

上卷

THƯỢNG QUYỂN

夫主將之法務擥英雄
1.— Phù chủ-tướng chi pháp, vụ lãm (1) anh hùng
之心賞祿有功通志於
chí tâm, thưởng lộc (2) hữu công, thông chí ư
衆
chúng.

故與衆同好靡不成
2.— Cố: Dữ chúng đồng hiếu mỵ bất thành;
與衆同惡靡不傾
Dữ chúng đồng ố mỵ bất khuynh.

治國安家得人也
3.— Trị quốc an gia đắc nhơn giã.
亡國破家失人也
Vong quốc phá gia thất nhơn giã.

含氣之類咸願得其志
4.— Hàm khí chi loại, hàm nguyện đắc kỳ chí.

---

(1) Chữ 擥 cũng như chữ 攬, cùng đọc là lãm, có nghĩa là nắm giữ.

(2) Có bản viết là lục 録 có nghĩa là ghi chép.

TỐ-THƯ

THÁI-CÔNG BINH-PHÁP

CUỐN TRÊN

1.— Phép làm **chủ-tướng** cốt là phải nắm lấy lòng dạ các bậc anh-hùng, thưởng bổng-lộc cho kẻ có công, truyền-bá được chí-hướng của mình cho mọi người.

2.— Cho nên: Nếu cùng ưa-thích với mọi người thì chẳng có việc gì là không thành.

Nếu cùng oán ghét với mọi người thì chẳng có cái gì không thể phá đổ.

3.— Trị được nước, yên được nhà là được lòng người,

Làm cho nước mất nhà tan là mất lòng người.

4.— Đối với hạng người hàm-dưỡng chí-khí trong lòng, ta đều nguyện cho họ được **toại-chí**.

軍讖曰：

5.— Quân - Sấm viết :

柔能制剛弱能制强
Nhu năng chế cương, nhược năng chế cường.
柔者德也剛者賊也
Nhu giả đức giả, cương giả tặc giả.
弱者人之所助
Nhược giả nhơn chi sở trợ,
强者人之所攻
Cường giả nhơn chi sở công.
柔有所設剛有所施
Nhu hữu sở thiết, cương hữu sở thí.
弱有所用强有所加
Nhược hữu sở dụng, cường hữu sở gia.
兼此四者而制其宜
Kiêm thử tứ giả nhi chế kỳ nghi
端末未見人莫能知
6.— Đoan mạt vị kiến nhơn mạc năng tri,
天地神明與物推移
Thiên địa thần minh dữ vật thôi di,
變動無常因敵轉化
Biến - động vô thường, Nhân địch chuyển hóa,
不爲事先動而輒隨
bất vi sự tiên, động nhi triếp tùy.
故能圖治無疆扶成天
7.— Cố năng đồ trị vô cương, phù thành thiên-

5.— **Sách Quân-Sấm** [1] nói rằng:

Mềm trị được **cứng**, **yếu** trị được **mạnh**.

Kẻ **mềm** là có đức, kẻ **cứng** là giặc cướp.

Kẻ **yếu** là kẻ mà người ta giúp-đỡ.

Kẻ **mạnh** là kẻ mà người ta đánh phá.

Mềm cũng có chỗ xây-dựng được, **cứng** cũng có chỗ mà ta cấp thêm cho.

Kiêm bốn điều ấy mà chế-biến cho thích-nghi.

6.— Đầu đuôi chưa thấy thì người ta chẳng có thể biết. Trời đất và thần-linh cùng với vạn-vật mà đổi đời, biến-động vô thường. Nên phải theo dịch mà chuyển-hóa, chẳng nên làm theo việc trước (chẳng noi theo việc đã qua), phải vận-động mà tùy theo cơ-hội.

7.— Cho nên việc bình-trị có thể mưu-đồ vô giới-hạn, giúp

(1) Sách ghi chép những kinh-nghiệm và quân-sự.

威 康 正 八 極 密 定 九 夷
uy, khang chính bát cực, mật định cửu di,
如 此 謀 者 爲 帝 王 師
như thử mưu giả, vi Đế- Vương sư.
故 曰：

8.— Cố viết :

莫 不 貪 强 鮮 能 守 微
Mạc bất tham cường, tiên năng thủ vi,
若 能 守 微 乃 保 其 生
Nhược năng thủ vi, nài bảo kỳ sinh,
聖 人 存 之 以 應 事 機
Thánh-nhơn tồn chi dĩ ứng sự cơ,
舒 之 彌 四 海
Thư chi di tứ hải,
卷 之 不 盈 杯
Quyển chi bất doanh bôi,
居 之 不 以 室 宅
Cư chi bất dĩ thất trạch,
守 之 不 以 城 郭
Thủ chi bất dĩ thành quách,
藏 之 胸 臆 而 敵 國 服
Tàng chi hung ức nhi địch quốc phục.
軍 讖 曰：

9.— Quân - Sấm viết :

能 柔 能 剛 其 國 彌 光
Năng nhu năng cương, kỳ quốc di quang.

nên thiên-uy, sửa trị lám còi được tốt lành, định yên chín rợ được mật nhạm, mưu-tính như thế là thày của bậc Đế-Vương.

8. — Cho nên mới nói rằng :

Chẳng có ai mà không tham mạnh, ít có ai mà giữ được điều nhỏ-nhặt.

Ví bằng giữ được điều nhỏ-nhặt, thì có thể bảo-toàn được sinh-dân.

Thánh-nhơn giữ điều nhỏ-nhặt ấy để đối-ứng với việc đời và cơ trời.

Buông điều nhỏ-nhặt ấy ra thì đầy bốn biển.

Thâu tóm nó lại thì không đầy một chén.

Chứa trữ nó mà không cần nhà cửa,

Giữ-gìn nó mà không cần thành quách.

Dấu nó trong lòng mà nước địch phải hàng-phục.

9. — **Sách Quân-Sấm** nói rằng :

Mềm được, cứng được thì nước nhà càng sáng-lạng.

能弱能强其國彌彰
Năng nhược năng cường, kỳ quốc di chương.
純柔純弱其國必削
Thuần nhu thuần nhược, kỳ quốc tất tước.
純剛純强其國必亡
Thuần cương thuần cường, kỳ quốc tất vong.
夫爲國之道恃賢與民
10.— Phù vi quốc chi đạo thị hiền dữ dân,
信賢如腹心使民如四
tín hiền như phúc tâm, sử dân như tứ
肢則策無遺所適如肢
chi, tắc sách vô di, sở thích như chi
體相隨骨節相救天道
thể tương tùy, cốt tiết tương cứu, thiên đạo
自然其巧無間
tự nhiên kỳ xảo vô gián.
軍國之要察衆心施百
11.— Quân quốc chi yếu, sát chúng tâm, thi bách
務：
vụ :

危者安之
Nguy giả an chi ;
懼者歡之
Cụ giả hoan chi ;
叛者還之
Bạn giả hoàn chi ;

Yếu được, mạnh được thì nước nhà càng rực-rỡ.

Mềm mãi, yếu mãi thì nước nhà ắt bị cắt xén.

Cứng mãi, mạnh mãi thì nước nhà ắt bị mất.

10.— **Cái đạo trị nước** là nhờ cậy vào người hiền và dân-chúng, tin người hiền như lòng dạ, sai-khiến người dân như tay chơn thì chánh-sách sẽ không thiếu-sót, nếu sự thích-nghi đồng như tay chân và thân-thể nối liền nhau, các khớp xương giúp nhau thì đạo trời lưu-hành tự-nhiên và sự xảo-diệu xảy ra thường-xuyên.

11.— Điều cốt yếu của **việc binh** và **việc nước** là xét lòng dạ của dân-chúng để thi-hành trăm việc:

Ai nguy-khốn thì làm cho họ yên-ổn;

Ai lo sợ thì làm cho họ vui-vẻ;

Ai phản-bội thì làm cho họ quay về;

冤 者 原 之
Oan giả nguyện chi ;
訴 者 察 之
Tố giả sát chi ;
卑 者 貴 之
Ty giả quý chi ;
强 者 抑 之
Cường giả ức chi ;
敵 者 殘 之
Địch giả tàn chi.

貪 者 豐 之
12.— Tham giả phong chi ;
欲 者 使 之
Dục giả sử chi ;
畏 者 隱 之
Úy giả ẩn chi :
謀 者 近 之
Mưu giả cận chi ;
讒 者 覆 之
Sàm giả phúc chi ;
毀 者 復 之
Hủy giả phục chi ;
反 者 廢 之
Phản giả phế chi ;
横 者 挫 之
Hoành giả tỏa chi ;

Ai bị tội oan thì làm cho họ thỏa-nguyện;

Ai kêu nài thì nên xét;

Kẻ thấp nên quý;

Kẻ mạnh nên ức-chế;

Ai chống đối thì giết đi.

(Đó là 8 phép trị dân)

12.— Ai tham thì cho họ đầy đủ;

Ai có điều thèm muốn thì dùng họ;

Ai sợ-hãi thì che dấu họ;

Ai có mưu-kế thì ở gần họ;

Ai dèm pha thì lật đổ họ;

Ai nói xấu thì trả điều xấu về họ;

Ai phản-phúc thì bỏ đi;

Ai ngang-ngược thì kiềm-tỏa lại;

滿者損之
Mãn giả tổn chi;
歸者招之
Qui giả chiêu chi;
服者活之
Phục giả hoạt chi;
降者脫之
Hàng giả thoát chi;
獲固守之
13.— Hoạch cố thủ chi;
獲阨塞之
Hoạch ách tắc chi;
獲難屯之
Hoạch nan đồn chi;
獲城割之
Hoạch thành cát chi;
獲地裂之
Hoạch địa liệt chi;
獲財散之
Hoạch tài tán chi.
敵動伺之
14.— Địch động tỷ chi;
敵近備之
Địch cận bị chi;
敵强下之
Địch cường hạ chi;

Ai tự mãn thì làm tổn-hại họ ;

Ai thuận theo về thì vời họ lại ;

Ai theo ta thì nuôi họ sống ;

Ai về hàng ta thì giải-thoát họ.

(Đó là 12 phép trị tướng)

13. — Được chỗ vững thì giữ ;

Được chỗ hiểm thì ngăn chặn ;

Được chỗ khó thì đóng dồn ;

Được thành thì cất cho tướng giữ ;

Được đất thì phân chia cho người ở ;

Được của thì chia dùng.

(Đó là 6 điều xử-trí khi thắng trận)

14. — Địch hoạt-động thì ta dò xét chúng ;

Địch ở gần thì ta phòng-bị ;

Địch mạnh thì ta hạ chúng xuống ;

敵 佚 去 之
Địch dật khứ chi;
敵 陵 待 之
Địch lăng đãi chi;
敵 暴 紱 之
Địch bạo phất chi;
敵 悖 義 之
Địch bội nghĩa chi;
敵 睦 攜 之
Địch mục huề chi,
順 舉 挫 之
Thuận cử tòa chi,
因 勢 破 之
Nhân thế phá chi,
放 言 過 之
Phóng ngôn quá chi,
四 網 羅 之
Tứ võng la chi.
得 而 勿 有
15.— Đắc nhi vật hữu,
居 而 勿 守
Cư nhi vật thủ,
拔 而 勿 久
Bạt nhi vật cửu,
立 而 勿 取
Lập nhi vật thủ.

Địch an-nhàn thì ta phá rối chúng ;

Địch xâm-phạm thì ta chờ đợi ;

Địch hung dữ thì ta bủa vây chúng ;

Địch trái đạo thì ta lấy điều nghĩa mà thuyết-phục chúng ;

Địch hòa-mục thì dắt-dẫn chúng ;

Lúc thuận-lợi, ta kiềm-tỏa chúng,

Nhân được thế, ta phá chúng ;

Phóng lời nói qua trách lỗi chúng ;

Bủa bốn mặt lưới mà vây chúng.

(Đó là 8 cách đối-phó với giặc)

15.— Được dừng cất,

Ở dừng giữ,

Đánh thành dừng chiếm lấy,

Lập nên rồi chớ lấy dùng.

爲 者 則 己.
Vi giả tắc kỷ,
有 者 則 士
Hữu giả tắc sĩ,
焉 知 利 之 所 在
Yên tri lợi chi sở tại.
彼 爲 諸 侯
Bỉ vi chư hầu,
己 爲 天 子
Kỷ vi Thiên Tử,
使 城 自 保
Sử thành tự bảo,
令 土 自 處
Lịnh thổ tự xử.

16.— 世 能 祖 祖 鮮 能 下 下
Thế năng tổ tổ, tiền năng hạ hạ.
祖 祖 爲 親 下 下 爲 居
Tổ tổ vi thân, hạ hạ vi quân.

17.— 下 下 者 務 耕 桑 不 奪 其
Hạ hạ giả vụ canh tang bất đoạt kỳ
時 薄 賦 斂 不 匱 其 財 罕
thời, bạc phú liễm bất quỷ kỳ tài, hàm
徭 役 不 使 其 勞 則 國 富
dao dịch bất sử kỳ lao, tắc quốc phú
而 家 娛 然 後 選 士 以 司
nhi gia ngu, nhiên hậu tuyển sĩ dĩ tư

Làm ra ắt là do ta,

Giữ-gìn ắt là do kẻ sĩ,

Như thế biết được đâu là điều lợi.

Họ làm chư-hầu,

Ta làm Thiên-Tử,

Khiến thành-trì tự giữ-gìn,

Khiến đất-đai tự chiếm đóng.

(Đó là 4 phép chánh-trị)

16.— Người đời có thể thờ cúng tổ-tiên mà ít người có thể **nhún-nhường** đối với kẻ dưới. Thờ cúng tổ-tiên để gắn-gũi họ-hàng, nhún-nhường đối với kẻ dưới để làm vua.

17.— **Nhún-nhường** đối với kẻ dưới là chớ cướp đoạt thì giờ cày cấy trồng dâu nuôi tằm của họ, thâu thuế ít thì sẽ không thiếu tiền của, ít việc dao-dịch [1], khiến cho dân khỏi nhọc-nhằn,

(1) **Dao-dịch**: Việc công mà dân bắt-buộc phải làm cho nhà nước (corvée), chớ lầm-lẫn với "giao-dịch" có nghĩa là đổi-chác.

牧之
mục chi.

18.— 夫所謂士者英雄也故
Phù sở vị sĩ giả anh - hùng giả. Cố

曰：羅其英雄則敵國
viết : La kỳ anh - hùng tắc địch - quốc

窮
cùng.

19.— 英雄者國之幹庶民者
Anh - hùng giả quốc chi cán, thứ - dân giả

國之本得其幹收其本
quốc chi bổn. Đắc kỳ cán, thu kỳ bổn

則政行而無怨
tắc chính hành nhi vô oán.

20.— 夫用兵之要在崇禮而
Phù dụng binh chi yếu tại sùng lễ nhi

重祿禮崇則智士至祿
trọng lộc. Lễ sùng tắc trí sĩ chí, lộc

重則義士輕死
trọng tắc nghĩa - sĩ khinh tử.

21.— 故祿賢不愛財賞功不
Cố lộc hiền bất ái tài, thưởng công bất

踰時則下力并敵國削
du thời, tắc hạ lực tinh, địch quốc tước.

22.— 夫用人之道尊以爵贍
Phù dụng nhơn chi đạo, tôn dĩ tước, thiệm

ắt là nước giàu, nhà nhà vui vẻ, rồi sau chọn lựa sĩ-phu để coi sóc, chăn dắt dân-chúng.

18.— Những người được gọi là **kẻ sĩ** chính là các bậc **anh-hùng** vậy. Cho nên có nói: **Lôi kéo hết anh-hùng thì nước địch phải khốn-cùng.**

19.— **Anh-hùng** là bậc lương-đống của nước, **thứ-dân** là nền gốc của nước. Dùng được các bậc lương-đống ấy và tóm thâu cái gốc ấy thì chính-sách được thi-hành mà không sai cán-thán.

20.— Điều cốt-yếu của **phép dùng binh** là chú-trọng vào **lễ-nghi** và cấp **bổng-lộc** thật nhiều. Lễ-nghi mà trọng-hậu ắt là các bậc trí-thức phải đến, bổng-lộc mà nhiều ắt là các nghĩa-sĩ phải coi nhẹ cái chết.

21.— Cho nên cấp **bổng-lộc** cho hiền-sĩ thì đừng tiếc tiền của, **ban thưởng** cho kẻ có công thì đừng để chậm trễ, ắt là kẻ dưới tay sẽ thi đua với nhau, nước địch phải suy-vi.

22.— Về **phép dùng người**, muốn suy-tôn người thì dùng **tước-vị**, muốn chu-cấp giúp đỡ cho người thì dùng **tiền của**, ắt

以財則士自來接以禮
dĩ tài, tắc sĩ tự lai ; tiếp dĩ lễ,
勵以義則士死之
lệ dĩ nghĩa tắc sĩ tử chi.
夫將帥者必與士卒同
23.— Phù tướng - súy giả tất dữ sĩ tốt đồng
滋味而共安危敵乃可
tư - vị, nhi cộng an nguy, địch nãi khả
加故兵有全勝敵有全
gia, cố binh - hữu toàn thắng, địch hữu toàn
国
nhân.
昔者良將之用兵有饋
24.— Tích giả lương tướng chi dụng binh, hữu quỷ
簞醪者使投諸河與士
đan lao giả, sử đầu chư hà dữ sĩ
卒同流而飲夫一簞之
tốt đồng lưu nhi ẩm. Phù nhất đan chi
醪不能味一河之水而
lao bất năng vị nhất hà chi thủy nhi
三軍之士思爲致死者
tam - quân chi sĩ tư vi trí tử giả,
以滋味之及己也
dĩ tư - vị chi cập kỷ giả.
軍讖曰：
25.— Quân-Sấm viết :

là kẻ sĩ sẽ tự đến với mình ; Tiếp-đãi người thì dùng **lễ-nghi**, khích-lệ người thì lấy điều **nghĩa**, ắt là kẻ sĩ phải liều chết.

23.— **Tướng-súy** ắt phải cùng sĩ-tốt nếm vị ngon chất bổ như nhau, chia sẻ an-nguy với nhau, như thế sức cự địch càng tăng thêm nhiều, nhờ đó việc binh toàn thắng và việc cự-địch được đầy-đủ nhân do.

24.— Ngày xưa khi bậc tướng giỏi dùng binh, có ai dâng bầu rượu "lao" liền khiến ném xuống sông để cùng sĩ-tốt uống chung một dòng nước ấy. Một bầu rượu "lao" không thể làm cho nước sông có mùi-vị rượu thế mà sĩ-tốt trong ba quân nhớ cách đối-xử ấy bèn quyết chết, coi cái mùi-vị ấy như đã tới mình vậy.

25.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

軍井未達將不言渴
Quân tỉnh vị đạt, tướng bất ngôn khát;
軍幕未辦將不言倦
Quân mạc vị bạn, tướng bất ngôn quyện;
軍竈未炊將不言饑
Quân táo vị xuy, tướng bất ngôn cơ;
冬不服裘夏不操扇雨
Đông bất phục cầu, hạ bất thao phiến, vũ
不張蓋是謂將禮
bất trương cái, thị vị tướng lễ.
與之安與之危故其衆
26.— Dữ chi an, dữ chi nguy, cố kỳ chúng
可合而不可離可用而
khả hiệp nhi bất khả ly, khả dụng nhi
不可疲以其恩素蓄謀
bất khả bì, dĩ kỳ ân tố súc mưu
素合也
tố hiệp giả.
故曰：蓄恩不倦以一
Cố viết: Súc ân bất quyện, dĩ nhất
取萬
thủ vạn.

軍讖曰：
27.— Quân Sấm viết:
將之所以爲威者號令
Tướng chi sở dĩ vi uy giả, hiệu lệnh

Giếng của quân chưa đào xong, tướng không được kêu khát ;

Màn của quân chưa giăng, tướng không được kêu mệt ;

Bếp lửa của quân chưa thổi nấu, tướng không được kêu đói ;

Mùa đông không được mặc áo dạ, mùa hè không được phẩy quạt, trời mưa không được trương lọng, đó gọi là **lễ-nghi của bậc tướng-súy.**

26.— Cùng sĩ-tốt hưởng an-ổn, cùng sĩ-tốt chịu nguy-khốn, cho nên sĩ-tốt phải gắn-bó với chủ-tướng mà chẳng xa-lìa, có thể sử-dụng luôn luôn mà chẳng tỏ ra mỏi mệt, đó là lấy **ân-huệ** chứa sẵn mà lo-liệu để cho sĩ-tốt sẵn-sàng hợp-nhất.

Cho nên có nói rằng : **Chứa ân-huệ không nhàm chán thì có thể lấy một người mà sử-dụng được muôn người.**

27.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng :

Tướng được uy-quyền nhờ ở **hiệu-lệnh ;**

也戰之所以全勝者軍
giả, Chiến chi sở dĩ toàn thắng giả, quân-
政也士之所以輕戰者
chính giả, Sĩ chi sở dĩ khinh - chiến giả,
用命也
dụng mệnh giả.
故將無還令賞罰必信
98.– Cố tướng vô hoàn lệnh, thưởng phạt tất tín
如天如地乃可使人士
như thiên như địa, nãi khả sử nhân, sĩ
卒用命乃可越境
tốt dụng mệnh nãi khả việt cảnh.
夫統軍持勢者將也制
99.– Phù thống quân trì thế giả tướng giả, chế
勝敗敵者衆也
thắng bại địch giả chúng giả.
故亂將不可使保軍乘
30.– Cố loạn - tướng bất khả sử bảo quân, thừa
衆不可使伐人攻城不
chúng bất khả sử phạt nhân. Công thành bất
可拔圖邑則不廢二者
khả bạt, đồ ấp tắc bất phế, nhị giả
無功則士力疲敝士力
vô công tắc sĩ - lực bì tệ; sĩ lực
疲敝則將孤衆悖
bì tệ tắc tướng cô, chúng bội.

Đánh được toàn-thắng nhờ ở **quân-chính**;

Sĩ-tốt khinh-chiến (không sợ-hãi việc chiến-đấu) nhờ vâng **mệnh trên.**

28.— Cho nên bậc tướng-súy không rút lui mệnh-lệnh đã ban xuống, thi-hành việc thưởng-phạt đúng-đắn như trời như đất, nhờ thế có thể sai-khiến người được, và sĩ-tốt vâng mệnh trên có thể vượt biên-cảnh.

29.— **Cầm quân, giữ thế** là việc của **tướng-súy**, sắp đặt mưu-lược để **thắng trận, đánh bại quân địch** là việc của **sĩ-tốt.**

30.— Cho nên **loạn-tướng** chẳng nên cho cầm quân, họ chỉ-huy mà chẳng có thể khiến được quân chính-phạt. Đánh thành mà chẳng hạ được thành, mưu-đồ đánh ấp mà chẳng lấy được ấp, hai

以守則不固以戰則奔
31.— Dĩ thủ tắc bất cố, dĩ chiến tắc bôn
北是謂老兵兵老則將
bắc, thị vị lão - binh. Binh lão tắc tướng.
威不行將無威則士卒
uy bất hành; tướng vô uy tắc sĩ - tốt
輕刑士卒輕刑則軍失
khinh hình; sĩ - tốt khinh hình tắc quân thất
伍軍失伍則士卒逃亡
ngũ; quân thất ngũ tắc sĩ - tốt đào vong;
士卒逃亡則敵乘利敵
sĩ - tốt đào vong tắc địch thừa lợi; địch
乘利則軍必喪
thừa lợi tắc quân tất táng.
軍讖曰：良將之統軍
32.— Quân - Sấm viết: Lương tướng chi thống quân
也恕己而治人推惠施
giả, thứ kỷ nhi trị nhân, suy huệ thi
恩士力日新戰如風發
ân, sĩ - lực nhật tân, chiến như phong phát,
攻如河決故其衆可望
công như hà quyết, cố kỳ chúng khả vọng
而不可當可下而不可
nhi bất khả đương, khả hạ nhi bất khả
勝以身先人故其兵爲
thắng; dĩ thân tiên nhân, cố kỳ binh vi

việc làm chẳng thành-công ắt là sĩ-tốt mỏi mệt; sĩ-tốt mà mỏi mệt thì tướng ắt bị cô-thế, sĩ-tốt sẽ vi-bội lệnh trên.

31.— Dùng để giữ ắt không vững chắc, dùng để đánh phá ắt thua chạy, đó là **binh già yếu**. Binh mà già yếu, ắt là uy-vũ của tướng không thi-hành được; tướng mà không có uy-vũ ắt là sĩ-tốt sẽ coi nhẹ hình-pháp; sĩ-tốt mà coi nhẹ hình-pháp ắt là quân sẽ mất hàng ngũ; quân mà mất hàng ngũ ắt là sĩ-tốt sẽ bỏ trốn; sĩ-tốt mà bỏ trốn ắt là địch sẽ thừa cơ lợi-dụng; địch mà thừa cơ lợi-dụng ắt là quân-đội sẽ tan-vỡ.

32.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng: **Tướng giỏi** thống-suất quân-đội thì suy bụng mình ra để trị người, phân-phát ân-huệ cho kẻ dưới, làm cho sức chiến-đấu của quân-sĩ mỗi ngày một tăng-tới, đánh giặc như gió bão, phá thành như nước vỡ bờ, cho nên quân địch chỉ có thể giương mắt nhìn mà chẳng có thể dương đầu với ta được, chỉ có thể đầu hàng mà chẳng có thể thắng ta được; tướng-

天 下 雄
thiên hạ hùng.

軍 讖 曰：
33.— Quân-Sấm viết :

軍 以 賞 爲 表 以 罰 爲 裡
Quân dĩ thưởng vi biểu, dĩ phạt vi lý.

賞 罰 明 則 將 威 行
Thưởng phạt minh tắc tướng uy hành.

官 人 得 則 士 卒 服
Quan nhân đắc tắc sĩ tốt phục.

所 任 賢 則 敵 國 畏
Sở nhiệm hiền tắc địch quốc úy.

軍 讖 曰：
34.— Quân-Sấm viết :

賢 者 所 適 其 前 無 敵
Hiền giả sở thích kỳ tiền vô địch.

故 士 可 下 而 不 可 驕
Cố sĩ khả hạ nhi bất khả kiêu.

將 可 樂 而 不 可 憂
Tướng khả lạc nhi bất khả ưu.

謀 可 深 而 不 可 疑
Mưu khả thâm nhi bất khả nghi.

士 驕 則 下 不 順
35.— Sĩ kiêu tắc hạ bất thuận.

將 憂 則 內 外 不 相 信
Tướng ưu tắc nội ngoại bất tương tín.

súy tự dấn thân tiến trước người, cho nên binh ấy là binh mạnh bạo trong thiên-hạ.

33.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Quân lấy **thưởng** làm **phép ngoài**, lấy **phạt** làm **phép trong**.

Thưởng phạt sáng-suốt thì uy-vũ của tướng-súy được thi-hành.

Được **quân-lại có tài-đức** thì sĩ-tốt sẽ phục-tùng.

Biết dùng hiền-sĩ thì nước địch phải sợ.

34.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Hiền-sĩ có **thái-độ thích-hợp** thì trước mặt không còn địch-thủ.

Cho nên **kẻ sĩ** có thể **hạ mình** mà chẳng có thể kiêu-căng.

Tướng-súy có thể tỏ ra **an vui** mà chẳng có thể tỏ ra lo buồn.

Mưu-kế nên **nghiên-cứu sâu-xa kỹ-càng**, mà chẳng có thể tri-nghi.

35.— Kẻ sĩ kiêu-căng ắt là người dưới không thuận.

Tướng-súy lo buồn ắt là trong ngoài không tin cậy nhau.

謀疑則敵國奮以此攻
Mưu nghi tắc địch quốc phấn, dĩ thử công.
伐則致亂
phạt tắc trí loạn,
夫將者國之命也
36.— Phù tướng giả quốc chi mệnh giả.
將能制勝則國家安定
Tướng năng chế thắng tắc quốc gia an định.

軍讖曰：
37.— Quân-Sấm viết :
將能清能淨
Tướng năng thanh, năng tĩnh,
能平能整
Năng bình, năng chỉnh,
能受諫能聽訟
Năng thụ gián, năng thính tụng,
能納人能採言
Năng nạp nhân, năng thái ngôn,
能知國俗能圖山川
Năng tri quốc tục, năng đồ sơn xuyên,
能表險難能制軍權
Năng biểu hiểm - nạn, năng chế quân - quyền.

故曰：
38.— Cố viết :
仁賢之智
Nhân - hiền chi trí,

Mưu-kế mà trì-nghi ắt là nước địch phấn-khởi, thừa cơ công-phạt nước ta gây ra cảnh loạn-lạc.

36.— **Tướng-súy** tượng-trưng cho **vận-mệnh** của nước nhà.

Tướng-súy thường **sắp đặt để được thắng-thế** thì nước nhà được yên-định.

37.— Sách **Quân-Sám** nói rằng:

Tướng-súy nên thường **thanh**, thường **tinh**,

Thường **bình-thản**, thường **chính-tề**,

Thường **nghe can-gián**, thường **nghe xử kiện**,

Thường **thâu-nạp nhơn-tài**, thường **lượm-lặt lời hay lẽ phải**,

Thường tìm hiểu **phong-tục** trong nước, thường vẽ **hình-thế núi sông**,

Thường nêu rõ **hiểm-nạn**, thường sắp đặt các việc **quyền-biến** trong quân-đội.

38.— Cho nên có nói:

Mưu-trí của các **bậc nhân-hiền**,

聖明之慮
Thánh minh chi lự,
負薪之言
Phụ tân chi ngôn,
廊廟之語
Lang miếu chi ngữ,
興衰之事
Hưng suy chi sự,
將所宜聞.
Tướng sở nghi văn.

39.— 將者能德士如渴則策
Tướng giả năng tư sĩ như khát tắc sách
從焉
tùng yên.

40.— 夫將拒諫則英雄散
Phù tướng cự gián tắc anh hùng tán.
策不從則謀士叛
Sách bất tùng tắc mưu sĩ bạn.
善惡同則功臣倦
Thiện ác đồng tắc công thần quyện.
專己則下歸咎
Chuyên kỷ tắc hạ qui cữu.
自伐則下少功
Tự phạt tắc hạ thiểu công.
信讒則衆離心
Tín sàm tắc chúng ly tâm.

Điều lo tính của các **bậc thánh-minh,**

Lời nói của **kẻ gánh củi,**

Lời nói tại lang-miếu (triều-đình),

Các việc **hưng suy,**

Là điều tướng-súy nên nghe.

39.— Tướng súy thường **trông mong kẻ sĩ** như khát nước ắt là chịu theo sách-lược.

40.— Tướng-súy không nghe lời can-gian, ắt là anh-hùng sẽ ly-tán.

Không theo sách lược ắt là mưu-sĩ sẽ bội-phản.

Coi thiện ác như nhau ắt là công-thần chán-nản.

Tự chuyên ắt là người dưới sẽ đổ lỗi vào bề trên.

Tự khoe ắt là kẻ dưới ít muốn lập công.

Tin lời dèm pha ắt là lòng người ly-tán.

Tham của ắt là không cấm-đoán được việc gian-tham.

貪財則奸不禁
Tham tài tắc gian bất cấm.
內顧則士卒淫
Nội cố tắc sĩ tốt dâm.
將有一則衆不服有二
Tướng hữu nhất tắc chúng bất phục; hữu nhị
則軍無式有三則下奔
tắc quân vô thức; hữu tam tắc hạ bôn
北有四則禍及國
bắc; hữu tứ tắc họa cập quốc.
軍讖曰：
41.— Quân-Sấm viết:
將謀欲密
Tướng mưu dục mật,
士衆欲一
Sĩ chúng dục nhất,
攻敵欲疾
Công địch dục tật,
將謀密則姦心閉
42.— Tướng mưu mật tắc gian tâm bế.
士衆一則軍心結
Sĩ chúng nhất tắc quân tâm kết.
攻敵疾則備不及設
Công địch tật tắc bị bất cập thiết.
軍有此三者則計不奪
Quân hữu thử tam giả tắc kế bất đoạt.

Mai-mê việc thê-thiếp (việc nhà trong) ắt là sĩ-tốt sinh ra dâm-dãng.

Tướng-súy có một điều lỗi kể trên ắt là quân-sĩ không phục ; có hai điều lỗi kể trên ắt là quân-sĩ mất kỷ-luật ; có ba điều lỗi kể trên ắt là kẻ dưới bỏ trốn ; có bốn điều lỗi kể trên ắt là nước nhà sẽ gặp tai-họa.

41.— **Sách Quân-Sấm** nói rằng :

Mưu-kế của tướng-súy cần giữ mật-nhẹm.

Sĩ-tốt cần phải chuyên-nhất.

Đánh phá quân-địch cần phải mau chóng.

42.— Mưu-kế của tướng-súy được giữ bí-mật ắt là mạnh-tâm của kẻ gian-tà phải chịu bế-tắc.

Sĩ-tốt chuyên-nhất ắt là lòng quân đoàn-kết.

Đánh phá quân-địch mau chóng ắt là địch không kịp sắp-đặt sự phòng-bị.

Quân-đội có đủ ba điều-kiện ấy thì kế-hoạch khỏi bị địch chiếm-đoạt.

將謀泄則軍無勢
43.— Tướng mưu tiết tắc quân vô thế.
外閫內則禍不制
Ngoại khuy, nội tắc họa bất chế.
財入營則衆姦會
Tài nhập dinh tắc chúng gian hội.
將有此三者軍必敗
Tướng hữu thử tam giả quân tất bại.
將無慮則謀士去
44.— Tướng vô lự tắc mưu - sĩ khứ.
將無勇則士卒恐
Tướng vô dũng tắc sĩ - tốt khủng.
將妄動則軍不重
Tướng vọng động tắc quân bất trọng.
將遷怒則一軍懼
Tướng thiên nộ tắc nhất quân cụ.
軍讖曰：
45.— Quân - Sấm viết :
慮也勇也將之所重
Lự giả, dũng giả, tướng chi sở trọng.
動也怒也將之所用
Động giả, nộ giả, tướng chi sở dụng.
此四者將之明誡也
Thử tứ giả tướng chi minh - giới giả.
軍讖曰：
46.— Quân - Sấm viết :

43.— Mưu-kế của tướng-súy tiết-lậu ra ắt là quân-đội mất ưu-thế.

Bên ngoài dòm ngó vào bên trong được, ắt là tai-họa không thể ngăn-ngừa được.

Của-cải vào dinh trại ắt là bọn gian-tà tụ-hội.

Tướng-súy có ba điều lỗi kể trên thì quân-đội phải bại trận.

44.— Tướng không lo-tính ắt là mưu-sĩ sẽ bỏ đi.

Tướng không dũng-cảm ắt là sĩ-tốt nhát sợ.

Tướng hành-động bừa-bãi ắt là không được quân-sĩ tôn-trọng.

Tướng hay giận lây qua người khác ắt là tốt cả quân-sĩ kinh-hãi.

45.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng :

Sự **lo-toan** và lòng **dũng-cảm** là việc trọng-đại của tướng-súy.

Hành-động và **thịnh-nộ** là việc thường dùng của tướng súy.

Bốn điều ấy là qui-giới rõ-ràng của tướng-súy.

46.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng :

軍無財士不來
Quân vô tài, sĩ bất lai.
軍無賞士不往
Quân vô thưởng, sĩ bất vãng.
軍讖曰：
47.— Quân - Sấm viết :
香餌之下必有死魚
Hương nhị chi hạ tất hữu tử ngư.
重賞之下必有勇夫
Trọng thưởng chi hạ tất hữu dũng phu.
故禮者士之所歸
Cố lễ giả sĩ chi sở qui,
賞者士之所死
Thưởng giả sĩ chi sở tử.
招其所歸示其所死則
Chiêu kỳ sở qui. thị kỳ sở tử tắc
所求者至
sở cầu giả chi.
故禮而後悔者士不往
Cố lễ nhi hậu hối giả sĩ bất vãng.
賞而後悔者士不使
Thưởng nhi hậu hối giả sĩ bất sử.
禮賞不倦則士爭死
Lễ thưởng bất quyện tắc sĩ tranh tử.
軍讖曰：
48.— Quân - Sấm viết :

Quân-đội không có **tiền của** thì kẻ sĩ không đến.

Quân-đội không **tưởng-thưởng** thì kẻ sĩ không lại.

47.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Mồi thơm thả xuống ắt có cá chết.

Thưởng lớn ban xuống ắt có dũng-phu liều mình.

Cho nên ai dùng lễ-nghi thì kẻ sĩ theo về.

Ai tưởng-thưởng công-lao thì kẻ sĩ chịu chết cho kẻ ấy.

Chiêu-nạp người theo về với mình, trọng-đãi người chịu chết cho mình, ắt là điều ước mong sẽ được toại-nguyện.

Cho nên đã dùng lễ-nghi (để mời về) rồi sau lại hối-tiếc thì kẻ sĩ không lại.

Đã thưởng mà sau lại hối-tiếc thì kẻ sĩ khó sử-dụng.

Dùng lễ-nghi và tưởng-thưởng mãi không thôi thì kẻ sĩ sẽ tranh nhau chịu chết cho mình.

48.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

興師之國務先隆恩
Hưng sư chi quốc vụ tiên long ân,
攻取之國務先養民
Công thủ chi quốc vụ tiên dưỡng dân.
以寡勝衆者恩也
Dĩ quả thắng chúng giả ân giã.
以弱勝强者民也
Dĩ nhược thắng cường giả dân giã.
故良將之養士不易於
Cố lương tướng chi dưỡng sĩ, bất dịch ư
身故能使三軍如一心
thân, cố năng sử tam quân như nhất tâm
則其勝可全
tắc kỳ thắng khả toàn.

軍讖曰：

49.— Quân-Sấm viết :

用兵之要
Dụng binh chi yếu,
必先察敵情
Tất tiên sát địch tình,
視其倉庫
Thị kỳ thương khố,
度其糧食
Độ kỳ lương-thực,
卜其强弱
Bốc kỳ cường nhược,

Nước nào muốn **dấy binh** thì cốt-yếu trước hết là phải **thi-ân**.

Nước nào muốn **đánh dẹp** thì cốt-yếu trước hết là phải **nuôi dân**.

Lấy **ít** mà thắng được **nhiều** là nhờ **thi ân**.

Lấy **yếu** mà thắng được **mạnh** là nhờ **lòng dân**.

Cho nên **tướng giỏi nuôi nghĩa-sĩ**, chẳng khác gì nuôi thân-thể của chính mình, do đó có thể khiến cho ba quân một lòng một dạ với mình, ắt là sự thắng lợi được hoàn-toàn.

49.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng :

Điều cốt-yếu của phép dùng binh,

Ắt là trước hết phải quan-sát **tình-hình quân địch**.

Thăm dò **kho lẫm** chứa lúa gạo và binh-khí của địch.

Tính-toán phỏng chừng **số lương-thực** của địch.

Đoán biết các **chỗ mạnh yếu** của địch.

察其天地
Sát kỳ thiên địa,
伺其空隙
Tỵ kỳ không khích.

50.— 故國無軍旅之難而運
Cố quốc vô quân lữ chi nạn nhi vận
糧者虛也民菜色者窮
lương giả hư giả, dân thái sắc giả cùng
也
giả.

千里饋糧士有飢色樵
Thiên lý quỹ lương sĩ hữu cơ sắc, tiều
蘇後爨師不宿飽
tô hậu thoán, sư bất túc bão.

夫運糧百里無一年之
Phù vận lương bách lý vô nhất niên chi
食二百里無二年之食
thực, nhị bách lý vô nhị niên chi thực,
三百里無三年之食是
tam bách lý vô tam niên chi thực, thị
謂國虛
vị quốc hư.

國虛則民貧民貧則上
Quốc hư tắc dân bần, dân bần tắc thượng
下不親敵攻其外民盜
hạ bất thân, địch công kỳ ngoại, dân đạo

Xem xét **tượng trời** và **thế đất**.

Tìm những **chỗ sơ hở** của địch.

50. — Cho nên nước nào không có nạn chiến-tranh mà lại **tiếp-vận lương-thực** thì đó là do sự **thiếu-thốn**, còn nếu dân có **sắc mặt xanh-xao** như màu rau cỏ thì phải hiểu là dân-chúng đã **cùng-khốn** lắm rồi.

Chở lương từ ngàn dặm tới, quân-sĩ có **sắc đói, kiếm củi hái rau** (hay là cắt cỏ) trước rồi mới thổi nấu sau, thì đó là những dấu-hiệu cho biết rằng quân-đội **không đủ no**.

Vận lương từ một trăm dặm tới mà không đủ ăn một năm, từ hai trăm dặm tới mà không đủ ăn hai năm, từ ba trăm dặm tới mà không đủ ăn ba năm, như thế là trong nước đã **thiếu-thốn**.

Nước mà thiếu-thốn thì dân nghèo, dân mà nghèo thì trên dưới không thân-mật với nhau, địch đánh bên ngoài, dân trộm cắp

其內是謂必潰
kỳ nội, thị vị tất hội,

軍讖曰：

51.— Quân - Sấm viết :

上行虐則下急刻
Thượng hành ngược tắc hạ cấp khắc,

賦重斂數刑罰無極
Phú trọng liễm sú, hình phạt vô cực,

民相殘賊是謂亡國
Dân tương tàn tặc, thị vị vong quốc.

軍讖曰：

52.— Quân - Sấm viết :

內貪外廉
Nội tham ngoại liêm,

詐譽取名
Trá dự thủ danh,

竊公爲恩
Thiết công vi ân,

令上下昏
Lệnh thượng hạ hôn,

飾躬正顏
Sức cung chính nhan,

以獲高官
Dĩ hoạch cao quan,

是謂盜端
Thị vị đạo đoan.

bên trong, như thế chắc là phải đổ vỡ.

51.— Sách **Quân-Sám** nói rằng:

Trên mà hành-động bạo-ngược thì dưới sẽ chống đối gấp,

Thuế nặng thu nhiều, hình-phạt tăng thêm mài,

Dân sẽ bị tàn hại, nổi lên làm giặc cướp, ấy là mất nước.

52.— Sách **Quân-Sám** nói rằng:

Trong bụng tham-lam, ngoài mặt làm ra vẻ liêm-khiết,

Giả làm người tốt để lấy danh tiếng,

Trộm của công mà làm ơn cho người,

Nịnh-bợ bề trên, cư-xử bừa-bãi đối với kẻ dưới,

Trang-sức thân-thể, dung-nhan làm ra vẻ nghiêm-chỉnh,

Để đoạt lấy chức quan cao,

Ấy là mối dấu sinh ra sự gian-tà,

軍讖曰：

53.— Quân - Sấm viết :

羣吏朋黨
Quần lại bằng đảng,
各進所親
Các tấn sở thân,
招舉姦枉
Chiêu cử gian uổng,
抑挫仁賢
Ức tỏa nhân hiền,
背公立私
Bội công lập tư,
同位相訕
Đồng vị tương san,
是謂亂源
Thị vị loạn nguyên.

軍讖曰：

54.— Quân - Sấm viết :

强宗聚姦
Cường tông tụ gian,
無位而尊
Vô vị nhi tôn,
威無不震
Uy vô bất chấn,
葛藟相連
Cát lũy tương liên,

53 — Sách **Quân-Sám** nói rằng :

Quan-lại kết bè đảng,

Tất cả chỉ tiến dâng những kẻ thân-thích,

Chiêu-nạp và bảo-cử những kẻ gian-tà, cong vạy,

Kiềm-chế các bậc nhân-hiền,

Bỏ việc công làm việc tư,

Cùng chức-vị mà chê-bai nhau,

Ấy là nguồn gốc của mối loạn.

54. — Sách **Quân-Sám** nói rằng :

Những tổng-phái mạnh tụ-tập kẻ gian-tà,

Kẻ chẳng có chức-vị gì cũng được quí-trọng,

Có uy-quyền đến nỗi chẳng có gì mà không lay-chuyển được,

Những bọn dua-nịnh cấu-kết với nhau,

種 德 立 恩
Chủng đức lập ân,
奪 在 位 權
Đoạt tại vị quyền,
侵 侮 下 民
Xâm vũ hạ dân,
國 內 譁 諠
Quốc nội hoa huyên,
臣 蔽 不 言
Thần tế bất ngôn,
是 謂 亂 根
Thị vị loạn căn.
軍 讖 曰 :
55.— Quân - Sấm viết :
世 世 作 姦
Thế thế tác gian,
侵 盜 縣 官
Xâm đạo huyện quan,
進 退 求 便
Tấn thoái cầu tiện,
委 曲 弄 文
Ủy - khúc lộng văn,
以 危 其 君
Dĩ nguy kỳ quân,
是 謂 國 姦
Thị vị quốc gian.

Gieo đức thi ơn,

Chiếm-đoạt luôn cả chức-vị và quyền-hành,

Xâm-chiếm và khinh rẻ quyền-lợi của dân đen,

Trong nước ồn-ào huyên-náo,

Các quan che dấu chẳng nói ra,

Ấy là gốc rễ của sự loạn-lạc.

55. — Sách **Quân-Sấm** nói rằng :

Đời đời làm việc gian-tà,

Xâm nhập tới chốn huyền-đường,

Lới lui đều mưu-cầu điều tiện-lợi riêng cho mình,

Đặt ra những lời văn ngoắt-ngoéo, đùa giỡn chân-biến,

Để làm nguy-hại tới uy-tín của Nhà Vua.

Đó là kẻ gian trong nước.

軍讖曰：

56.— Quân - Sấm viết :

吏多民寡
Lại đa dân quả,
尊卑相若
Tôn tỵ tương nhược,
强弱相虜
Cường nhược tương lỗ,
莫適禁禦
Mạc thích cấm ngự,
延及君子
Diên cập quân - tử,
國受其害
Quốc thụ kỳ hại.

軍讖曰：

57.— Quân - Sấm viết :

善善不進
Thiện thiện bất tiến,
惡惡不退
Ố ác bất thoái,
賢者隱蔽
Hiền giả ẩn tế,
不肖在位
Bất - tiếu tại vị,
國受其害
Quốc thụ kỳ hại.

56.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng.

Quan-lại thì nhiều mà dân-chúng thì ít,

Trên dưới đều ngang nhau, không ai hơn ai,

Kẻ mạnh, người yếu làm lại lẫn nhau,

Chẳng ai tuân theo lời ngăn-cấm.

Điều tệ-hại ấy lan dần đến bậc quân-tử,

Thì nước phải chịu thiệt hại.

57.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Mến người thiện mà không tiến-cử họ,

Ghét người ác mà không phế bỏ họ,

Che dấu người hiền,

Người ngu-ngốc thì được chức-vị,

Như thế nước nhà phải chịu thiệt-hại.

軍讖曰：

58.— Quân - Sấm viết :

枝葉强大
Chi diệp cường đại,

比周居勢
Tỉ Chu cư thế.

卑賤陵貴
Tỵ tiện lăng quí,

久而益大
Cửu nhi ích đại,

上不忍廢
Thượng bất nhẫn phế,

國受其敗
Quốc thụ kỳ bại.

軍讖曰：

59.— Quân - Sấm viết :

佞臣在上
Nịnh - thần tại thượng,

一軍皆訟
Nhất quân giai tụng,

引威自與
Dẫn uy tự dữ,

動違於衆
Động vi ư chúng,

無進無退
Vô tấn vô thoái,

58. — Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Cành và lá to mạnh,

Cũng như nhà Chu chiếm được uy-thế, (nghĩa là ngọn mạnh gốc yếu),

Hạng ty-tiện lần-lướt bậc tôn-quí,

Phe đảng ấy càng lâu càng lớn dần,

Mà bề trên không nỡ phế-bỏ,

Thì nước nhà phải chịu bại-vong.

59. — Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Ninh-thần ở trên,

Trong khắp quân-đội đều có tranh-tụng,

Tự tạo uy-quyền cho mình,

Hành-động trái ngược với quyền-lợi của dân-chúng,

Chẳng biết tới lui,

苟然取容
Cẩu nhiên thủ dung,
專任自己
Chuyên nhiệm tự kỷ,
舉措伐功
Cử thố phạt công,
誹謗盛德
Phi - báng thịnh - đức,
誣述庸庸
Vu thuật dung dung,
無善無惡
Vô thiện vô ác,
皆與己同
Giai dữ kỷ đồng,
稽留行事
Kê lưu hành sự,
命令不通
Mệnh - lệnh bất thông,
造作苛政
Tạo tác hà chính,
變古易常
Biến cổ dị thường,
君用佞人
Quân dụng nịnh - nhơn,
必受禍殃
Tất thụ họa - ương.

Thâu-dụng và dụng-nạp các người tay chân một cách cẩu-thả,

Tự-ý dành các chức-vụ,

Bày việc để khoe công,

Phi-báng các bậc thịnh-đức,

Thường bày chuyện vu oan cho người khác,

Không cần phân-biệt người thiện kẻ ác,

Xem mọi người đều giống như mình,

Ngăn chặn sự thi-hành các việc,

Ra mệnh-lệnh chẳng thông,

Bày ra chính-sách hà-khắc,

Bãi-bỏ các thông-lệ cũ và bày ra các việc khác thường,

Nhà vua mà dùng người nịnh,

Ắt là phải chịu họa-ương.

軍讖曰：

60.— Quân - Sấm viết :

姦雄相稱
Gian-hùng tương xưng,
障蔽主明
Chướng tế chủ minh,
毀譽並興
Hủy dự tịnh hưng,
壅塞主聰
Ủng tắc chủ thông,
各阿所私
Các a sở tư,
令主失忠
Lịnh chủ thất trung,

故主察異言乃親其萌

61.— Cố : Chủ sát dị - ngôn, nãi đồ kỳ manh

主聘儒賢姦雄乃遷
Chủ sính nho hiền, gian - hùng nãi thiên ;
主任舊齒萬事乃理
Chủ nhiệm cựu xỉ, vạn sự nãi lý ;
主聘巖穴士乃得實
Chủ sính nham huyệt, sĩ nãi đắc thực ;
謀及負薪功乃可述
Mưu cập phụ tân, công nãi khả thuật ;
不失人心德乃洋溢
Bất thất nhơn tâm, đức nãi dương dật.

60.— Sách **Quân-Sám** nói rằng :

Bọn gian-hùng cùng tân-xưng lẫn nhau,

Che lấp các việc sáng-suốt của Nhà Vua,

Tiếng khen, lời chê cùng nổi lên,

Ngăn chặn sự nghe thấy của Nhà Vua,

Tất cả đều hành-động theo lòng tư-dục của mình,

Khiến cho Nhà Vua phải mất các trung-thần.

61.— Cho nên : Nhà Vua phải tìm hiểu những **lời nói quái-dị** mới thấy rõ mầm-mống ;

Nhà Vua thỉnh-cầu **các bậc nho-hiền** thì bọn gian-hùng phải rời bỏ ;

Nhà Vua bổ-nhiệm **các bậc tuổi-tác** thì mọi việc đều giải-quyết xong ;

Nhà Vua thỉnh-cầu các bậc **ẩn-sĩ** tại các chốn hang, động thì kẻ sĩ ấy mới thực có tài-đức ;

Mưu kế dùng lời **kẻ gánh củi** thì công-nghiệp mới phơi bày ra.

Chẳng mất lòng người, đức mới tràn đầy.

中 卷

TRUNG QUYỂN

夫 三 皇 無 言 而 化 流 四
69.— Phù Tam Hoàng vô ngôn nhi hóa lưu tứ
海 故 天 下 無 所 歸 功
hải, cố thiên - hạ vô sở quy công.

帝 者 體 天 則 地 有 言 有
63.— Đế giả thể thiên tắc địa, hữu ngôn hữu
令 而 天 下 太 平
lệnh nhi thiên - hạ thái - bình.

君 臣 讓 功 四 海 化 行 百
64.— Quân thần nhượng công, tứ hải hóa hành, bách
姓 不 知 其 所 以 然
tính bất tri kỳ sở dĩ nhiên.

故 使 臣 不 待 禮 賞 有 功
65.— Cố sử thần bất đãi lễ thưởng hữu công,
美 而 無 害
mỹ nhi vô hại.

王 者 制 人 以 道 降 心 服
66.— Vương giả chế nhơn dĩ đạo, hàng tâm phục
志 設 矩 備 衰 四 海 會 同
chí, thiết cù bị suy, tứ hải hội đồng,
王 職 不 廢 躍 甲 兵 之 備
vương-chức bất phế, tuy giáp - binh chi bị

CUỐN GIỮA

62.— Đời **Tam-Hoàng chẳng dạy bằng lời nói** mà sự giáo-hóa được lưu-hành khắp bốn biển, cho nên trong thiên-hạ không nơi nào dám nhận công-nghiệp về phần mình.

63.— Đời **Ngũ-Đế** theo thể-tượng trên Trời mà lập phép-tắc dưới Đất, **có nói, có truyền lệnh** mà thiên-hạ được thái-bình.

64.— Vua tôi **nhường công** cho nhau nên sự giáo-hóa lưu-hành bốn biển, trăm họ chẳng có thể biết được lý-do ấy.

65.— Cho nên sai-khiến bề tôi mà lại **không dùng lễ và thưởng** cho kẻ có công, điều ấy đẹp mà không có hại [1].

66.— Bậc **Vua Chúa** dùng **đạo đức** trị người, hàng-phục tâm-chí của người, đặt ra qui-củ, phòng-bị chỗ suy-yếu, bốn biển cùng

---

(1) Đối với kẻ có công, không dùng lễ (honneurs) và thưởng (prime, récompense). Như thế chỉ cho họ chức-vụ (fonction) và quyền-hành (pouvoir).

而無戰鬪之患
nhi vô chiến đấu chi hoạn.

67.— 君無疑於臣臣無疑於主
Quân vô nghi ư thần, thần vô nghi ư chủ.

68.— 國定主安臣以義退亦能美而無害
Quốc định chủ an, thần dĩ nghĩa thoái diệc năng mỹ nhi vô hại.

69.— 霸者制士以權結士以信使士以賞信衰則士疏賞虧則士不用命
Bá giả chế sĩ dĩ quyền, kết sĩ dĩ tín, sử sĩ dĩ thưởng. Tín suy tắc sĩ sơ, thưởng khuy tắc sĩ bất dụng mệnh.

70.— 軍勢曰：
Quân-Thế viết:

出軍行師將在自專
Xuất quân hành sư, tướng tại tự chuyên.

進退內御則功難成
Tấn thoái nội ngự tắc công nan thành.

71.— 軍勢曰：
Quân-Thế viết:

使智使勇使貪使愚
Sử trí, sử dũng, sử tham, sử ngu.

về với mình, chẳng bỏ vương-chức, tuy có đủ giáp-binh nhưng chẳng gặp nạn chiến-tranh.

67.— Vua chẳng nghi bề tôi, bề tôi chẳng nghi Chúa.

68.— Nước đã bình-định xong, chúa được an lòng, bề tôi vì nghĩa mà lui thì cũng được đẹp mà không có hại.

69.— Bậc bá-chủ dùng quyền để trị kẻ sĩ, dùng đức tín để giữ kẻ sĩ, dùng phần thưởng để sai-khiến kẻ sĩ. Đức tín mà suy-giảm thì kẻ sĩ sẽ xa dần, phần thưởng mà thiếu sót thì kẻ sĩ không theo mệnh trên.

70.— Sách **Quân-Thế** nói rằng:

Khi xuất quân và khi đi đường, tướng-súy được **tự chuyên-quyền**.

Nếu Nhà Vua ở bên trong mà định-đoạt việc tấn-thoái của quân-đội thì tướng-súy khó mà thành-công.

71.— Sách **Quân-Thế** nói rằng:

Phải biết sử-dụng **kẻ trí, kẻ dũng, kẻ tham, kẻ ngu.**

智者樂立其功
Trí giả lạc lập kỳ công,
者勇好行其志
Dũng giả hiếu hành kỳ chí.
貪者邀趨其利
Tham giả yêu xu kỳ lợi,
愚者不顧其死
Ngu giả bất cố kỳ tử,
因其至情而用之此軍
Nhân kỳ chí tình nhi dụng chi, thử quân
之微權也
chi vi quyền giả.
軍勢曰：
72.— Quân-Thế viết :
無使辯士談說敵美爲
Vô sử biện sĩ đàm thuyết địch mỹ, vi
其惑衆
kỳ hoặc chúng.
無使仁者主財爲其多
Vô sử nhân giả chủ tài, vi kỳ đa
施而附於下
thí nhi phụ ư hạ.
軍勢曰：禁巫祝不得
73.— Quân - Thế viết : Cấm vu chúc bất đắc
爲吏士卜問軍之吉凶
vị lại sĩ bốc, vấn quân chi cát hung.

Kẻ trí thích lập công.

Kẻ dũng thích thi-hành cái của mình.

Kẻ tham mong được lợi.

Kẻ ngu không nghĩ đến cái chết.

Nhân theo chí khí và tình ý của người mà dụng họ, đó là sự quyền-biến vi-diệu của quân-đội.

72. — Sách **Quân-Thế** nói rằng :

Chớ cho kẻ **biện-sĩ** luận-bàn về điều hay của người quân địch, vì họ sẽ làm cho quần-chúng hoang-mang.

Chớ cho **kẻ nhân** giữ tiền của, vì **họ** thường bố-thí nhiều và bỏ rợt cho kẻ dưới.

73. — Sách **Quân-Thế** nói rằng : Cấm hạng đồng-tử, thầy bói không được bói toán cho các lại-sĩ đến hỏi việc lành dữ về quân-đội.

軍勢曰：

74.— Quân-Thế viết:

使義士不以財故義者
Sử nghĩa - sĩ bất dĩ tài, cố nghĩa - giả

不爲不仁者死智者不
bất vi bất - nhân giả tử, trí - giả bất

爲闇主謀
vi ám - chủ mưu.

主不可以無德無德則
75.— Chủ bất khả dĩ vô đức, vô đức tắc

臣叛不可以無威無威
thần bạn; bất khả dĩ vô uy, vô uy

則失權
tắc thất quyền.

臣不可以無德無德則
76.— Thần bất khả dĩ vô đức, vô đức tắc

無以事君不可以無威
vô dĩ sự quân; bất khả dĩ vô uy,

無威則國弱威多則身
vô uy tắc quốc nhược, uy đa tắc thân

蹶
quyết (quệ).

故聖王御世觀盛衰度
77.— Cố Thánh-Vương ngự thế, quyền thịnh suy, độ

得失而爲之制故諸侯
đắc thất, nhi vi chi chế. Cố chư - hầu

74.— Sách **Quân-Thế** nói rằng:

Muốn sử-dụng **nghĩa-sĩ** thì đừng dùng tiền của, cho nên kẻ có nghĩa chẳng vì kẻ bất-nhân mà chết, kẻ có trí chẳng vì kẻ ngu-tối mà lập mưu-kế.

75.— Bậc **Vua Chúa** không thể không có đức, nếu không đức thì bề tôi sẽ làm phản; bậc Vua Chúa không thể không có uy, nếu không có uy thì sẽ mất quyền-thế.

76.— **Bề tôi** không thể không có đức, nếu không có đức thì sẽ không biết lấy gì mà thờ Vua; bề tôi không thể không có uy, nếu không có uy thì nước yếu, còn nếu có nhiều uy thì tự mình sẽ gặp nguy-hiểm.

77.— Cho nên **Thánh-Vương** trị thế, tùy theo thời thịnh suy mà quyền-biến, đo-lường sự được mất mà đặt ra phép-tắc. Cho

二師方伯三師天子六
nhị sư, phương bá tam sư, Thiên - Tử lục
師
sư.

世亂則叛逆生王澤竭
78.— Thế loạn tắc bạn nghịch sinh, vương trạch kiệt
則盟誓相誅伐
tắc minh thệ tương tru phạt.

德同勢敵無以相傾乃
79.— Đức đồng, thế địch, vô dĩ tương khuynh, nãi
擥英雄之心與衆同好
lãm anh - hùng chi tâm, dữ chúng đồng hiếu
惡然後加之以權變
ố, nhiên hậu gia chi dĩ quyền - biến.

故非計策無以決嫌定
80.— Cố phi kế - sách vô dĩ quyết hiềm định
疑非譎寄無以破姦息
nghi; phi quyệt ký vô dĩ phá gian tức
寇非陰計無以成功
khấu; phi âm - kế vô dĩ thành công.

聖人體天賢人法地智
81.— Thánh-Nhân thể thiên, hiền - nhân pháp địa, trí
者師古故故三略爲衰
giả sư - cổ, - thị cố tam lược vi suy
世作
thế tác.

nên chư-hầu thì có hai sư, phương-bá thì có ba sư, Thiên-Tử thì có sáu sư.

78.— Gặp **đời loạn** thì bọn phản-nghịch sinh ra, mà ân-huệ của Vua thì hết, ắt là có sự thề-ước cùng nhau đánh dẹp.

79.— Đức mà bằng nhau, thế mà ngang nhau thì không lấy gì mà khuynh-đảo nhau được, bèn **nắm lấy lòng dạ của hạng anh-hùng, cùng yêu cùng ghét với họ**, rồi sau dùng **quyền-biến** thêm vào.

80.— Cho nên nếu không có **mưu-kế, sách-lược** thì không lấy gì mà giải-quyết sự ngờ-vực; nếu không có **mưu-kế quỷ-quyệt, lạ-lùng** thì không lấy gì mà phá gian dẹp giặc; nếu không có **kế-hoạch kín-đáo** thì không thể thành-công.

81.— **Thánh-nhân** theo thề-tượng của trời, **hiền-nhân** lập phép-tắc dưới đất, bậc **trí-giả** thì học theo xưa, vì thế cho nên **ba sách-lược được đặt ra cho đời suy.**

上 畧 設 禮 賞 別 姦 雄 著
82.— Thượng-lược thiết lễ thưởng, biệt gian - hùng, trứ
成 敗
thành bại.
中 畧 差 德 行 審 權 變
Trung - lược sai đức hạnh, thẩm quyền-biến.
下 畧 陳 道 德 察 安 危 明
Hạ - lược trần đạo đức, sát an ngơy, minh
賊 賢 之 咎
tặc hiền chi cữu.
故 人 主 深 曉 上 畧 則 能
83.— Cố nhân - chủ thâm hiểu thượng - lược tắc năng
任 賢 擒 敵 深 曉 中 略 則
nhiệm hiền cầm địch ; thâm hiểu trung - lược tắc
能 御 將 統 衆 深 曉 下 畧
năng ngự tướng thống chúng ; thâm hiểu hạ lược
則 能 明 盛 衰 之 原 審 治
tắc năng minh thịnh suy chi nguyên, thẩm trị
國 之 紀
quốc chi kỷ.
人 臣 深 曉 中 畧 則 能 全
84.— Nhân-thần thâm hiểu trung - lược tắc năng toàn
功 保 身
công bảo thân.
夫 高 鳥 死 良 弓 藏 敵 國
85.— Phù cao điểu tử, lương cung tàng, địch quốc

82. — **Thượng-lược** bày ra lễ thưởng, phân-biệt kẻ gian-hùng, sắp đặt cuộc thành-bại.

Trung-lược so-sánh đức-hạnh hơn thua, xử-đoán việc quyền-biến.

Hạ-lược trình-bày việc đạo-đức, xét việc an-nguy, phê-phán kẻ giặc, người hiền.

83. — Cho nên bậc **nhân-chúa, hiểu rõ thượng-lược** ắt có thể bổ-nhiệm người hiền, bắt giữ kẻ địch ; **hiểu rõ trung-lược** thì có thể ngự-trị được tướng-tá, thống-lãnh quần-chúng ; **hiểu rõ hạ-lược** thì có thể biết nguồn gốc của sự thịnh-suy, xử yên việc kỷ-cương trong nước.

84. — **Bề tôi** hiểu rõ **trung-lược** ắt có thể làm trọn vẹn được công-vụ, bảo-toàn thân mình.

85. — Khi con chim bay cao đã chết thì cung tốt phải cất dấu

滅謀臣亡亡者非喪其
diệt, mưu - thần vong. Vong giả phi táng kỳ
身也謂奪其威廢其權
thân giả, vị đoạt kỳ uy, phế kỳ quyền
也封之於朝極人臣之
giả, phong chi ư triều, cực nhân - thần chi
位以顯其功中州善國
vị dĩ hiển kỳ công, trung - châu thiện quốc
以富其家美色珍玩以
dĩ phú kỳ gia, mỹ sắc trân ngoạn dĩ
悅其心
duyệt kỳ tâm.

夫人衆一合而不可卒
86.— Phù nhân-chúng nhất hiệp nhi bất khả thốt
離權威一與而不可卒
ly, quyền - uy nhất dữ nhi bất khả thốt
移
di.

還師罷軍存亡之階故
Hoàn sư bãi quân, tồn vong chi giai, cố
弱之以位奪之以國是
nhược chi dĩ vị, đoạt chi dĩ quốc, thị
謂霸者之畧
vị bá giả chi lược.

故霸者之作其論駁也
87.— Cố bá giả chi tác, kỳ luận bác giả,

di, nước địch đã diệt xong thì mưu-thần phải mất. Mất đây chẳng phải là mất cái thân (chết), mà là đoạt cái uy, bỏ cái quyền, phong cho làm quan tại triều, cho ở địa-vị cao nhất để làm sáng tỏ công-nghiệp, cho ở trung-châu, quản-trị đất-đai tốt-lành để nhà trở nên giàu có, cho hưởng sắc đẹp, của quý để được vui lòng.

86.— Nhóm đệ-tử tay chân một lần đã tụ-hợp thì không thể phút-chốc mà chia-lìa, uy-quyền một lần đã nắm giữ thì không thể phút chốc mà rời bỏ được.

Lúc lui quân, giải-ngũ là bước còn mất, cho nên phải **dùng (cái mồi) địa-vị** để làm họ suy-yếu, **dùng (cái mồi) đất-đai**, để đoạt uy-quyền của họ, đó gọi là sách-lược của bậc bá-chủ.

87.— Cho nên việc làm của bậc bá-chủ, luận tóm-tắt lại, là

存社稷羅英雄者中畧
tồn xã - tắc la anh - hùng giả, trung - lược
之勢也故勢主祕焉
chi thế giã, cố thế chủ bí yên.

下卷

HẠ QUYỂN

夫能扶天下之危者則
88.— Phù năng phò thiên - hạ chi nguy giả, tắc
據天下之安能除天下
cứ thiên - hạ chi an; năng trừ thiên - hạ
之憂者則享天下之樂
chi ưu giả tắc hưởng thiên - hạ chi lạc;
能救天下之禍者則獲
năng cứu thiên - hạ chi họa giả tắc hoạch
天下之福
thiên - hạ chi phúc.

故澤及於民則賢人歸
89.— Cố trạch cập ư dân tắc hiền - nhân qui
之澤及昆蟲則聖人歸
chi, trạch cập côn - trùng tắc thánh-nhân qui
之
chi.

賢人所歸則其國强
90.— Hiền-nhân sở qui tắc kỳ quốc cường,
聖人所歸則六合用
Thánh nhân sở qui tắc lục hợp dụng.

bảo-tồn xã-tắc, vây bọc anh-hùng, đó là cái thế bày ra ở trung-lược cho nên cho nên chủ-chốt của cái thế là sự bí-yếu như thế đó.

CUỐN DƯỚI

88.— Người có thể giúp thiên-hạ trong **cơn nguy-biến** ắt có có thể gìn-giữ sự bình-yên cho thiên-hạ ; người trừ được **điều lo** cho thiên-hạ, ắt có thể đem [1] điều vui cho thiên-hạ ; người cứu được thiên-hạ khỏi **tai-họa** ắt có thể thu được điều phước về cho thiên-hạ.

89.— Cho nên ân-huệ xuống tới dân-chúng, thì người hiền theo về, ân-huệ xuống tới côn-trùng thì thánh-nhân theo về.

90.— Hiền-nhân theo về thì nước mạnh, thánh-nhân theo về ắt là sáu cõi [2] được dùng trọn vẹn.

---

(1) **Hưởng** ở đây không có nghĩa là hưởng-thụ mà có nghĩa là dâng, biếu, cho.

(2) **Lục-hợp** là trời, đất, đông, tây, nam, bắc.

求賢以德致聖以道
91.— Cầu hiền dĩ đức, trí thánh dĩ đạo.
賢去則國微
92.— Hiền khứ tắc quốc vi,
聖去則國乖
Thánh khứ tắc quốc quai.
微者危之階
Vi giả nguy chi giai,
乖者亡之徵
Quai giả vong chi trưng.
賢人之政降人以體
93.— Hiền nhân chi chính, hàng nhân dĩ thể,
聖人之政降人以心
Thánh-nhân chi chính, hàng nhân dĩ tâm.
體降可以圖始
Thể hàng khả dĩ đồ thủy.
心降可以保終
Tâm hàng khả dĩ bảo chung.
降體以禮降心以樂
Hàng thể dĩ lễ, hàng tâm dĩ nhạc.
所謂樂者非金石絲竹
94.— Sở vị nhạc giả, phi kim thạch tỵ trúc
也
giả,
謂人樂其家
Vị nhân lạc kỳ gia,

91.— Muốn cầu hiền-nhân thì dùng **đức**, muốn tìm mời tới bậc thánh-nhân thì dùng **đạo**.

92.— Người hiền mà bỏ đi thì nước suy-vi,

Thánh-nhân mà bỏ đi thì nước sẽ gặp cảnh ngang-trái (lộn-xộn không yên-ổn).

Sự suy-vi sẽ dẫn tới cảnh nguy-biến,

Sự lộn-xộn sẽ dẫn tới cảnh mất nước.

93.— Chính-sách của người hiền là hàng phục người bằng **hình-thể** (thấy được).

Chính-sách của thánh-nhân hàng-phục người bằng **đạo-tâm** (không thấy được),

Hàng-phục bằng hình-thể để mưu-đồ **việc đầu**,

Hàng-phục bằng đạo-tâm để giữ-gìn **việc cuối**.

Hàng-phục hình-thể thì dùng **lễ**, hàng-phục tâm-can thì dùng **nhạc** [1].

94.— Cái mà gọi là nhạc, chẳng phải là vàng, đá, tơ, trúc, mà là cái :

— làm cho người an-vui về **nhà cửa** ;

---

(1) **Nhạc ở đây có nghĩa rộng là sự điều-hòa, thanh-tĩnh.**

謂人樂其族
Vị nhân lạc kỳ tộc,
謂人樂其業
Vị nhân lạc kỳ nghiệp,
謂人樂其都邑
Vị nhân lạc kỳ đô ấp,
謂人樂其政令
Vị nhân lạc kỳ chính - lệnh,
謂人樂其道德
Vị nhân lạc kỳ đạo - đức.
如此君人者乃作樂以
Như thử, quân - nhân giả nãi tác nhạc dĩ
節之使不失其和
tiết chi, sử bất thất kỳ hòa.
故有德之君以樂樂人
95.— Cố hữu đức chi quân dĩ nhạc lạc nhân,
無德之君以樂樂身
vô đức chi quân dĩ nhạc lạc thân.
樂人者久而長樂身者
Lạc nhân giả cửu nhi trường, lạc thân giả
不久而亡
bất cửu nhi vong.
釋近謀遠者勞而無功
96.— Thích cận mưu viễn giả lao nhi vô công,
釋遠謀近者佚而有終
Thích viễn mưu cận giả dật nhi hữu chung.

— làm cho người an-vui về **họ hàng**;

— làm cho người an-vui về **nghề-nghiệp**;

— làm cho người an-vui về **dô-ấp**;

— làm cho người an-vui về **phép nước**;

— làm cho người an-vui về **đạo-đức**.

Như thế bậc Vua Chúa bèn đặt ra nhạc để **tiết-chế** lòng người, khiến cho khỏi mất sự **điều-hòa**.

95.— Cho nên bậc Vua Chúa có đức dùng nhạc để làm **người vui**, còn bậc Vua Chúa không có đức dùng nhạc để thân vui.

Làm người vui thì được lâu mà nước được vững bền, còn làm thân vui thì chẳng được lâu mà nước sẽ mất.

96.— Bỏ việc gần mà lo việc xa thì lao nhọc mà chẳng thành-công,

Bỏ việc xa mà lo việc gần thì nhàn-rỗi mà chóng hết (không thành-công lâu dài),

佚 政 多 忠 臣
97.— Dật chính đa trung thần,
勞 政 多 怨 民
Lao chính đa oán dân.
故 曰 ： 務 廣 地 者 荒
98.— Cố viết : Vụ quảng địa giả hoang,
務 廣 德 者 强
Vụ quảng đức giả cường.
能 有 其 有 者 安
99.— Năng hữu kỳ hữu giả an,
貪 人 之 有 者 殘
Tham nhân chi hữu giả tàn.
殘 滅 之 政 累 世 受 患
100. Tàn - diệt chi chính lụy thế thụ hoạn,
造 作 過 制 强 成 必 敗
Tạo - tác quá chế cường thành tất bại.
舍 己 而 教 人 者 逆
101.— Xả kỷ nhi giáo nhân giả nghịch,
正 己 而 化 人 者 順
Chính kỷ nhi hóa nhân giả thuận.
逆 者 亂 之 招
Nghịch giả loạn chi chiêu,
順 者 治 之 要
Thuận giả trị chi yếu.
道 德 仁 義 禮 五 者 一
102.— Đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ, ngũ giả nhất

97.— Thi-hành chính-sách nhàn-rỗi thong-thả thì có nhiều tôi trung,

Thi-hành chính-sách lao-nhọc thì có nhiều dân oán.

98.— Cho nên có nói :

Chỉ lo về **đất rộng**, thì đất sẽ bỏ hoang,

Chỉ lo về **đức rộng**, thì nước sẽ cường-thịnh.

99.— Thường có sẵn, thì cái có ấy được bảo-đảm,

Tham-lam cái có của người thì chóng hủy-hoại (hoặc : Cái có của kẻ tham chóng hủy-hoại).

100.— Chính-sách tàn-hại làm cho dời phiền-lụy và lo buồn,

Sự tạo-tác quá mức mà cố-gắng miễn-cưỡng làm cho thành-công, ắt phải thất-bại.

101.— Xá lỗi cho mình mà dạy người là nghịch lý,

Sửa mình cho ngay thẳng mà cảm-hóa người là thuận-lý.

Việc thuận là điều-kiện cốt-yếu của sự yên-trị.

102.— **Đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ**, năm cái ấy thuộc về một

也
giả.

道 者 人 之 所 蹈
103.— Đạo giả nhân chi sở đạo,

德 者 人 之 所 得
Đức giả nhân chi sở đắc,

仁 者 人 之 所 親
Nhân giả nhân chi sở thân,

義 者 人 之 所 宜
Nghĩa giả nhân chi sở nghi,

禮 者 人 之 所 體
Lễ giả nhân chi sở thể,

不 可 無 一 焉
Bất khả vô nhất yên.

故 夙 興 夜 寐 禮 之 制 也
104.— Cố túc hưng dạ mị lễ chi chế giả,

討 賊 報 讎 義 之 決 也
Thảo tặc báo thù nghĩa chi quyết giả,

惻 隱 之 心 仁 之 發 也
Trắc ẩn chi tâm nhân chi phát giả,

得 己 得 人 德 之 路 也
Đắc kỷ đắc nhân đức chi lộ giả,

使 人 均 平 不 失 其 所 道
Sử nhân quân bình bất thất kỳ sở, đạo

之 化 也
chi hóa giả.

thể chung.

103.— **Đạo** là đường lối mà người ta bước theo,

Đức là cái mà người ta được nơi mình,

Nhân là cái mà người ta ưa gần,

Nghĩa là cái mà người ta nên làm,

Lễ là cái thể-thức hành-động của người ta,

Những điều ấy rất cần-thiết, không thể không có một điều mà được.

104.— Cho nên sớm dậy tối ngủ, đó là phép-tắc của **lễ-nghi**.

Dẹp giặc báo-thù là phán-quyết của điều **nghĩa**,

Lòng trắc-ẩn là sự phát-biểu của điều **nhân**,

Được cho mình, được cho người, là đường lối thực-hiện của cái **đức**,

Sai-khiến người một cách đồng đều không sai-lạc, đó là sự biến-hóa của **đạo**.

出君下臣名曰命
105.— Xuất quân hạ thần danh viết mệnh,
施於竹帛名曰令
Thí ư trúc bạch danh viết lệnh,
奉而行之名曰政
Phụng nhi hành chi danh viết chính.
夫命失則令不行
106.— Phù mệnh thất tắc lệnh bất hành,
令不行則政不立
Lệnh bất hành tắc chính bất lập,
政不立則道不通
Chính bất lập tắc đạo bất thông,
道不通則邪臣勝
Đạo bất thông tắc tà thần thắng,
邪臣勝則主威傷
Tà thần thắng tắc chủ uy thương.
千里迎賢其路遠
107.— Thiên lý nghinh hiền kỳ lộ viễn,
致不肖其路近
Trí bất tiếu kỳ lộ cận.
是以明君舍近而取遠
Thị dĩ minh quân xả cận nhi thủ viễn
故能全功尚人而下盡
cố năng toàn công thượng nhân, nhi hạ tận
力
lực.

105.— Việc sai-khiến phát ra từ Vua xuống tới bề tôi gọi là **mệnh,**

Viết trên thẻ tre hay lụa thì gọi là **lệnh,**

Vâng chịu mà thi-hành thì gọi là **chính.**

106.— Mệnh mà mất thì lệnh không thi-hành được,

Lệnh mà không thi-hành thì chính-sách không lập nên được,

Chính-sách không lập được thì đạo không thông,

Đạo mà không thông thì gian-thần thâng thế,

Gian-thần thắng thế thì uy-quyền của Chúa bị tổn-thương.

107.— Từ ngàn dặm đến đón người hiền, con đường ấy thật là xa,

Còn đi tới người ngu, thì con đường ấy gần,

Vì thế bậc Vua sáng-suốt bỏ gần mà lấy xa cho nên Vua giúp bậc thượng-nhân hoàn-thành công-nghiệp mà kẻ dưới cùng sẽ hết lòng làm việc (hoặc Vua thành-công trong việc dùng người mà bề tôi sẽ hết sức phò-tá).

廢一善則衆善衰
108.— Phế nhất thiện tắc chúng thiện suy,
賞一惡則衆惡歸
Thưởng nhất ác tắc chúng ác qui,
善者得其祐惡者受其
Thiện giả đắc kỳ hữu, ác giả thụ kỳ
誅則國安而衆善至
tru, tắc quốc an nhi chúng thiện chí.
衆疑無定國
109.— Chúng nghi vô định quốc,
衆惑無治民
Chúng hoặc vô trị dân.
疑定惑還
Nghi định hoặc hoàn,
國乃可安
Quốc nãi khả an.
一令逆則百令失
110.— Nhất lệnh nghịch tắc bách lệnh thất,
一惡施則百惡結
Nhất ác thi tắc bách ác kết,
故善施於順民惡加於
Cố thiện thi ư thuận dân, ác gia ư
凶民則令行而無怨
hung dân tắc lệnh hành nhi vô oán.
使怨治怨是謂逆天
111.— Sử oán trị oán thị vị nghịch thiên,

108.— Bỏ một người thiện thì số người thiện sẽ suy-giảm,

Thưởng một người ác, thì các người ác sẽ chạy đến,

Người thiện mà được che chở giúp đỡ, người ác mà bị trừ giết đi thì nước nhà được bình yên và các người thiện sẽ đến.

109.— Quần-chúng mà nghi-ngờ thì không bình-định được nước,

Quần-chúng mà lầm-lạc thì không cai-trị được dân,

Làm cho kẻ nghi-ngờ được yên lòng, dắt người lầm-lạc trở về đường chính,

Thì nước bền trở nên yên-ổn.

110.— Một lệnh mà thi-hành trái ngược thì trăm lệnh đều thất-bại,

Một đều ác mà thi-hành thì trăm điều ác sẽ kết thành.

Cho nên việc thiện thi-hành vào đám dân lành, việc ác tăng-gia vào đám dân hung dữ thì lệnh được thi-hành mà chẳng có oán-hận.

111.— Dùng **oán** thì để trị **oán**, điều ấy gọi là nghịch trời,

使 讎 治 讎 其 禍 不 救
Sử thù trị thù kỳ họa bất cứu.

治 民 使 平 致 平 以 清 則
112.— Trị dân sử bình, trí bình dĩ thanh, tắc

民 得 其 所 而 天 下 寧
dân đắc kỳ sở nhi thiên hạ ninh.

犯 上 者 尊 貪 鄙 者 富 雖
113.— Phạm thượng giả tôn, tham bỉ giả phú, tuy

有 聖 王 不 能 致 其 治
hữu Thánh vương bất năng trí kỳ trị.

犯 上 者 誅 貪 鄙 者 拘 則
114.— Phạm thượng giả tru, tham bỉ giả câu, tắc

化 行 而 衆 惡 消
hóa hành nhi chúng ác tiêu.

清 白 之 士
115.— Thanh bạch chi sĩ,

不 可 以 爵 祿 得
Bất khả dĩ tước lộc đắc;

節 義 之 士
Tiết nghĩa chi sĩ,

不 可 以 威 刑 脅
Bất khả dĩ uy hình hiếp.

故 明 君 求 賢 必 觀 其 所
116.— Cố minh quân cầu hiền tất quan kỳ sở

以 而 致 焉
dĩ nhi trí yên.

Lấy thủ trị thủ thì tai-họa xảy tới không cứu vãn được.

112.— Trị dân thì khiến cho bình-yên, muốn được bình yên thì phải thanh-tĩnh ắt là dân được vừa lòng mà thiên-hạ được yên-lành.

113.— Kẻ xúc-phạm bề trên mà được tôn-trọng, kẻ tham-lam bỉ-lận mà được giàu có, dầu có thánh-vương cũng không thể trị yên.

114.— Kẻ xúc-phạm bề trên mà được trừ giết đi, kẻ tham-lam bỉ-lận mà được câu-thúc lại ắt là sự giáo-hóa được lưu-hành, mà hạn ác sẽ tự tiêu-diệt.

115.— Đối với **kẻ sĩ thanh-bạch**,
Không thể dùng tước-lộc mà mời về được;
Đối với **kẻ sĩ tiết-nghĩa**,
Không thể dùng uy-quyền và hình-pháp mà hiếp-bách.

116.— Cho nên bậc Vua sáng-suốt đi mời bậc hiền-tài ắt phải xét rõ lý-do mới có thể mời họ đến được.

致清白之士修其禮
Trí thanh bạch chi sĩ tu kỳ lễ,
致節義之士修其道
Trí tiết nghĩa chi sĩ tu kỳ đạo,
然後士可致而名可保
nhiên hậu sĩ khả trí nhi danh khả bảo.
夫聖人君子
117.— Phù thánh - nhân quân - tử,
明盛衰之源
Minh thịnh suy chi nguyên,
通成敗之端
Thông thành bại chi đoan,
審治亂之機
Thẩm trị loạn chi cơ,
知去就之節
Tri khứ tựu chi tiết,
雖窮不處亡國之位
Tuy cùng bất xử vong quốc chi vị,
雖貧不食亂邦之粟
Tuy bần bất thực loạn bang chi túc,
潛名抱道者時至而動
Tiềm danh bảo đạo giả, thời chí nhi động
則極人臣之位德合於
tắc cực nhân - thần chi vị, đức hiệp ư
已則建殊絕之功故其
kỷ tắc kiến thù - tuyệt chi công, cố kỳ

Muốn mời kẻ sĩ thanh-bạch thì trước hết phải tu-chỉnh lễ-nghi,

Muốn mời kẻ sĩ tiết-nghĩa thì trước hết phải tu-dưỡng đạo-đức, rồi sau mới có thể đi đón mời, như thế danh-dự được bảo-toàn.

117. — Bậc thánh-nhân quân-tử,

Hiểu rõ nguồn gốc **thạnh-suy**,

Thông-suốt mối **thành-bại**,

Xét cơ trời **trị loạn**,

Biết được vận-tiết **đi về** (tan hợp).

Tuy khốn-cùng không bao giờ nhận chức-vị trong một đám dân mất nước,

Tuy nghèo hèn không bao giờ ăn lúa của một nước loạn.

Kẻ đầu danh giữ đạo chờ thời-cơ tới mà hành-động ắt là được địa-vị quan đại-thần tối-cao, giữ đức hợp với mình ắt lập được công-

道高而名揚於後世
đạo cao nhi danh dương ư hậu thế,

聖主之用兵非樂之也
118.— Thánh-chúa chi dụng binh phi lạc chi giả,

將以誅暴討亂也
tương dĩ tru bạo thảo loạn giả.

夫以義誅不義若決江
119.— Phù dĩ nghĩa tru bất nghĩa, nhược quyết giang

河而溉爝火臨不測而
hà nhi khái tước hỏa, lâm bất trắc nhi

擿欲墜其克必矣所以
tế dục trụy, kỳ khắc tất hỹ. Sở dĩ

優游恬淡而不進者重
ưu du điềm đạm nhi bất tấn giả, trọng

傷人物也
thương nhân vật giả.

夫兵者不祥之器天道
190.— Phù binh giả bất tường chi khí, thiên đạo

惡之不得已而用之是
ố chi, bất đắc dĩ nhi dụng chi, thị

天道也
thiên đạo giả.

夫人之在道若魚之在
121.— Phù nhân chi tại đạo nhược ngư chi tại

水得水而生失水而死
thủy, đắc thủy nhi sinh, thất thủy nhi tử.

nghiệp vĩ-đại, cho nên nhờ đó nên đạo-đức được thanh-cao mà danh-tiếng vang-lừng tới đời sau.

118.— Bậc Thánh-Chúa dùng binh chẳng phải vui-thích, mà vì muốn trừ bạo dẹp loạn.

119.— Lấy việc nghĩa để trừ việc bất-nghĩa, cũng dống như mở thông sông ngòi để tưới tắt lửa đuốc [1] nhằm lúc bất ngờ mà xô cái vật đã muốn nghiêng đổ, thì sự thắng-thế ấy ắt phải có vậy. Nếu chỉ thung-dung điềm-đạm mà chẳng chịu tiến-hành thì sẽ làm tổn-thương nặng-nề tới nhân-vật vậy.

120.— Việc binh là việc chẳng lành, đạo trời ghét nó, chỉ dùng nó vì cực chẳng đã mà thôi thì mới hợp đạo trời.

121.— Người ta ở trong đạo cũng như cá ở trong nước,

(1) Dùng phương-tiện lớn để làm việc nhỏ thì thành-công quá dễ-dàng.

故君子常懼而不敢失
Cố quân - tử thường cụ nhi bất cảm thất
道
đạo.

豪傑秉職國威乃弱
122.— Hào-kiệt binh chức, quốc uy nãi nhược,
殺生在豪傑國勢乃竭
Sát sinh tại hào - kiệt, quốc thế nãi kiệt.
豪傑低首國乃可久
Hào - kiệt đê thủ, quốc nãi khả cửu,
殺生在君國乃可安
Sát sinh tại quân, quốc nãi khả an.
四民用虛國乃無儲
123.— Tứ dân dụng hư, quốc nãi vô trừ,
四民用足國乃安樂
Tứ dân dụng túc, quốc nãi an lạc.
賢臣內則邪臣外
124.— Hiền-thần nội tắc tà - thần ngoại,
邪臣內則賢臣斃
Tà - thần nội tắc hiền - thần tệ.
內外失宜禍亂傳世
Nội ngoại thất nghi, họa loạn truyền thế.
大臣疑主衆姦集聚
125.— Đại-thần nghi chủ, chúng gian tập tụ,
臣當君尊上下乃昏
Thần đương quân tôn, thượng hạ nãi hôn,

được nước thì sống mất nước thì chết. Cho nên bậc quân-tử thường sợ-sệt mà chẳng dám lìa đạo.

122.— **Hào-kiệt** mà nắm lấy chức-vị thì cái uy của nước trở nên hèn yếu.

Quyền cho sống cho chết mà ở trong tay các hào-kiệt thì cá thể của nước phải mất.

Các hào-kiệt **cúi đầu** thì nước mới bền vững lâu-dài,

Quyền cho sống cho chết ở trong tay Vua thì nước mới yên-định.

123.— Đồ dùng của **bốn hạng dân** (sĩ, nông, công, thương) mà thiếu-hụt thì nước không có của để dành,

Đồ dùng của bốn hạng dân mà đầy-đủ thì nước sẽ an-vui.

124.— Hiền-thần mà ở trong triều thì gian-thần phải trục-xuất;

Gian-thần mà ở trong triều thì hiền-thần phải chết (oan),

Việc phân-chia trong ngoài mà thi-hành không đúng phép thì tai-họa loạn-lạc sẽ lưu-truyền trong đời.

125.— Bậc đại-thần mà ngờ Chúa thì bọn gian sẽ tụ-tập,

Bề tôi mà dành chức-vụ tôn quý của Vua, thì trên dưới hôn-ám,

君當臣處上下失序
Quân đương thần xử thượng hạ thất tự.

傷賢者殃及三世
126.— Thương hiền giả ương cập tam thế,

蔽賢者身受其害
Tế hiền giả thân thụ kỳ hại,

嫉賢者其名不全
Tật hiền giả kỳ danh bất toàn,

進賢者福流子孫
Tấn hiền giả phúc lưu tử tôn.

故君子急於進賢而美
Cố quân tử cấp ư tấn hiền nhi mỹ

名彰焉
danh chương yên.

利一害百民去城郭
127.— Lợi nhất hại bách dân khứ thành-quách,

利一害萬國乃思散
Lợi nhất hại vạn quốc nãi tư tán.

去一利百人乃慕澤
Khứ nhất lợi bách nhân nãi mộ trạch.

去一利萬政乃不亂
Khứ nhất lợi vạn chính nãi bất loạn.

— 終 —

Nhà Vua mà làm công việc của bề tôi thì trên dưới mất vị-thứ.

126.— Làm tổn-hại người hiền thì tai-vạ lưu-truyền tới ba đời,

Che dấu người hiền thì thân phải chịu tai-hại,

Ghen ghét người hiền thì danh-vị không được bảo-toàn,

Cất-nhắc người hiền thì phúc lưu-truyền cho con cháu.

Cho nên bậc quân-tử gấp lo việc cất-nhắc người hiền nên công-danh tốt-đẹp lại càng rực-rỡ thêm.

127.— Lợi một phần mà hại trăm phần thì dân rời bỏ thành-quách đang ở,

Lợi một phần mà hại muôn phần thì dân trong nước lo-tính việc phân-tán,

Bỏ một mà lợi trăm thì người người cảm mến ân-huệ mà theo về,

Bỏ một mà lợi vạn thì nền chánh-trị sẽ không rối loạn.

— HẾT —

BẢNG ĐÍNH-CHÍNH

TRANG	DÒNG	ĐÃ IN	XIN CHỮA LẠI NHƯ SAU :
7	5	Lử	Lữ
8	5	tà	là
16	14	lạ	lại
17	17	uõng	uốn
21	4	dọc được	được đọc
29	11	tan hợp	hoặc dịch là : di về
46	4 kể từ dưới	nhâa	nhân
48	1	người lành	người hiền, nên chính-trị rối loạn thì không có người lành.
61	8	sót hẳn dòng 8	Thêm vào : **Yếu** cũng có chỗ dùng được, **mạnh** cũng có chỗ ta gia thêm vào.
85	1 & 2	Thừa 2 dòng này	Cho 2 dòng ấy qua đầu trang 81
89	1 kể từ dưới	Thừa dòng này	Cho dòng ấy qua đầu trang 91
129	2	như thế đó	như vậy đó.

Mục - Lục

TRANG

Lời nói đầu 7

Tựa cũ của Triệu-Văn-Tức . . 21

* * *

A.— HUỲNH-THẠCH-CÔNG LỤC CHƯƠNG :

Chương I : Nguyên-Thủy 24

Chương II : Cầu Nhân Chi Chí. 28

Chương III : Chánh-Đạo 30

Chương IV : Bổn Đức Tôn Đạo 34

Chương V : Tuân-Nghĩa 36

Chương VI : An-Lỗ 46

* * *

B.— BÙA NHỊN CƠM CỦA TRƯƠNG-LƯƠNG 56

* * *

C.— THÁI - CÔNG BINH - PHÁP :

Thượng quyển 58

Trung quyển 114

Hạ quyển 128

* * *

D.— BẢNG ĐÍNH - CHÍNH 152

PHÁT-HÀNH TẠI NHÀ SÁCH KHAI-TRÍ

62, LÊ-LỢI – SAIGON

- **VIỆT-ĐIỆN U-LINH TẬP** của LÝ-TẾ-XUYÊN
  (Bản dịch của Lê-Hữu-Mục)
- **LĨNH-NAM CHÍCH-QUÁI** của TRẦN-THẾ-PHÁP
  (Bản dịch của Lê-Hữu-Mục)
- **BINH-THƯ TÔN-TỬ**
  (Bản dịch của Nguyễn-Duy-Hinh)
- **THÁI-CÔNG BINH-PHÁP** của KHƯƠNG-LỮ-VỌNG
  (Bản dịch của Lê-Xuân-Mai & Mã-Nguyên-Lương)
- **TỐ-THƯ** của HOÀNG-THẠCH-CÔNG
  (Bản dịch của Lê-Xuân-Mai & Mã-Nguyên-Lương)
- **SỬ-KÝ** của TƯ-MÃ-THIÊN
  (Bản dịch của Nhượng-Tống)
- **VIỆT-SỬ TIÊU-ÁN** của NGÔ-THỜI-SĨ
  (Bản dịch của Hội V. N. L. L. Văn-Hóa Á-Châu)
- **NAM-HOA-KINH** của TRANG-TỬ
  (Bản dịch của Nguyễn-Duy-Cần)
- **ĐẠO-ĐỨC-KINH** của LÃO-TỬ
  (Bản dịch của Nguyễn-Duy-Cần)

G. P. K. D. số 1715 T. B. T. T. C. H./BC 3/XB ngày 2-6-1967

GIÁ NHẤT-ĐỊNH: 80 Đ.